

BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỆT 19/5 HÀ NỘI VÀ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỆT 19/5 HÀ NỘI KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẤU GIÁ.

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỆT 19/5 HÀ NỘI**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**



Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3941 2626

**TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỆT 19/5 HÀ NỘI**

Địa chỉ: Số 203 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

Điện thoại: 04 3 858 4551 Fax: 043 8585 392

**TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**



Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà ICON4, số 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3936 7083 Fax: (84.4) 3936 7082

Tháng 01 năm 2016

MỤC LỤC

PHẦN I: CĂN CỨ PHÁP LÝ CHO VIỆC CHÀO BÁN CỔ PHẦN	5
PHẦN II: CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT ĐẦU GIÁ BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU	7
1. ĐƠN VỊ THỰC HIỆN ĐẦU GIÁ BÁN CỔ PHẦN	7
2. ĐƠN VỊ CHÀO BÁN	7
3. ĐƠN VỊ TƯ VẤN.....	7
PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT	8
PHẦN IV: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP	9
I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA	9
1. Tóm tắt quá trình hình thành phát triển của Công ty	9
2. Tên, địa chỉ của doanh nghiệp	11
3. Ngành nghề kinh doanh:.....	11
4. Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu.....	16
5. Cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội trước khi cổ phần hóa.....	18
6. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần.....	24
6.1. Số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp.....	24
6.2. Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần	24
7. Giá trị thực tế doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa...26	
7.1. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp và vốn Nhà nước.....	26
7.2. Xử lý tài chính:	29
8. Tài sản chủ yếu của Doanh nghiệp:	29
8.1. Tình hình sử dụng đất:	29
8.2. Tình hình tài sản Công ty đang sử dụng:	31
9. Danh sách công ty liên doanh và công ty liên kết:	34
10. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa.....	37
10.1. Tình hình hoạt động kinh doanh	37
10.2. Nguồn nguyên vật liệu	37
10.3. Chi phí sản xuất	38
10.4. Trình độ công nghệ và năng lực sản xuất	40
10.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới	45
10.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm.....	46
10.7. Hoạt động Marketing	46
10.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	47
10.9. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết.....	47
11. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa	48
11.1. Tình hình tài chính 03 năm trước cổ phần hóa.....	48
11.2. Kết quả kinh doanh của Công ty trong 03 năm gần đây	50
11.3. Chỉ tiêu tài chính của Công ty trong 03 năm gần đây	53

11.4. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm trước cổ phần hóa.....	56
12. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành.....	57
II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG SAU KHI CỔ PHẦN HÓA.....	59
1. Mục tiêu cổ phần hóa	59
2. Điều kiện cổ phần hóa.....	59
3. Hình thức cổ phần hóa	60
4. Thông tin cơ bản về doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa	60
5. Cơ cấu tổ chức và sử dụng lao động của công ty cổ phần	66
5.1. Mô hình tổ chức của Công ty cổ phần:	66
5.2. Các phòng ban và nhiệm vụ của các phòng ban chuyên môn:.....	67
6. Phương án sản xuất kinh doanh:	71
6.1. Định hướng chiến lược sau khi cổ phần hóa.....	71
6.2. Ngành nghề kinh doanh sau khi cổ phần hóa:	72
7. Kế hoạch sử dụng đất của Công ty sau khi cổ phần hóa:.....	73
8. Dự kiến các chỉ tiêu chính 3 năm sau Cổ phần hóa từ 2016 đến 2018:	74
8.1. Kế hoạch đầu tư nhằm cân đối và phát huy tối đa năng lực sản xuất hiện có giai đoạn 2016-2018:.....	74
8.2. Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản sau cổ phần hóa:	74
9. Các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty sau khi cổ phần hóa:.....	75
9.1. Phát triển nguồn nhân lực:.....	75
9.2. Nâng cao năng lực quản lý:	75
9.3. Công tác quản trị và điều hành:	76
9.4. Giải pháp phát triển thị trường, phát triển thương hiệu:.....	76
9.5. Giải pháp về văn hoá và chính sách nhân viên:	77
9.6. Nâng cao năng lực tài chính:	77
PHẦN V: VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ	78
1. Vốn điều lệ.....	78
2. Cơ cấu vốn điều lệ.....	78
PHẦN VI: NHỮNG YẾU TỐ RỦI RO	79
I. PHÂN TÍCH RỦI RO DỰ KIẾN	79
1. Rủi ro về tốc độ tăng trưởng kinh tế	79
2. Rủi ro lạm phát	80
3. Rủi ro lãi suất.....	80
II. RỦI RO PHÁP LÝ	81
III. RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH DỆT MAY	82
1. Rủi ro về rào cản thương mại tại thị trường nước ngoài.....	82
2. Rủi ro từ các chính sách và quy định pháp lý trong nước đối với ngành Dệt may	82
IV. RỦI RO CỦA ĐỢT CHÀO BÁN	82
V. RỦI RO KHÁC	83
PHẦN VII: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	84
I. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THỜI HẠN THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN	84
II. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA	86

1. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ việc bán cổ phần	86
2. Dự kiến chi phí cổ phần hóa.....	86
III. LỘ TRÌNH NIÊM YẾT, ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH SAU CỔ PHẦN HOÁ	86
IV. NHỮNG CÁ NHÂN, TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	87
1. Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội	87
2. Đại diện Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội.....	87
3. Đại diện Tổ chức Tư vấn.....	87
PHẦN VIII: THAY LỜI KẾT	848

PHẦN I: CĂN CỨ PHÁP LÝ CHO VIỆC CHÀO BÁN CỔ PHẦN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2005;
- Căn cứ Luật Chứng khoán 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Căn cứ Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 15/09/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/08/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;
- Căn cứ Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Căn cứ Thông tư số 38/2010/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2010 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/08/2010 của Chính phủ về việc quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Căn cứ Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Công văn số 2252/TTg-ĐMDN ngày 29/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND Thành phố Hà Nội giai đoạn 2012 - 2015;

- Căn cứ Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 18/03/2013 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành các Quy trình sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND Thành phố Hà Nội;
- Căn cứ Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 30/12/2013 của UBND Thành phố Hà Nội về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trực thuộc UBND Thành phố Hà Nội năm 2014;
- Quyết định số 2694/QĐ-UBND ngày 19/05/2014 của UBND Thành phố Hà Nội về việc thành lập bộ phận thường trực Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp Thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 4786/QĐ-UBND ngày 15/09/2014 của UBND Thành phố Hà Nội về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội;
- Quyết định số 5640/QĐ-STC-BCĐ ngày 24/09/2014 của Sở tài chính Hà Nội- Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp về việc thành lập tổ giúp việc Ban chỉ đạo Cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội;
- Quyết định 8033/QĐ- UBND ngày 31/12/2013 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Công ty TNHH Một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội giai đoạn 2013-2015;
- Quyết định số 2832/QĐ-UBND ngày 27/05/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về việc giao kế hoạch tiến độ thực hiện cổ phần hoá Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội năm 2014 - 2015;
- Căn cứ Quyết định số 4904/QĐ-UBND ngày 30/09/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội;
- Căn cứ Quyết định số 7741/UBND-KT ngày 30/10/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc chấp thuận đơn vị tư vấn bán đấu giá cổ phần lần đầu khi thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội.

PHẦN II: CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT ĐẦU GIÁ BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

1. ĐƠN VỊ THỰC HIỆN ĐẦU GIÁ BÁN CỔ PHẦN

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh - Hoàn Kiếm - Hà Nội
- Điện thoại: (84 - 4) 3941 2626 Fax: (84 - 4) 3934 7818

2. ĐƠN VỊ CHÀO BÁN

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỆT 19/5 HÀ NỘI

- Địa chỉ: Số 203 phố Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
- Điện thoại: 04 3 858 4551 Fax: 043 8585 392

3. ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

- Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà ICON4, số 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại: (84.4) 3936 7083 Fax: (84.4) 3936 7082

PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT

1. “Công ty”: Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội
2. “Cổ phần”: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
3. “Cổ phiếu”: Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần cổ phần.
4. “Cổ đông”: Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần và có đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông.
5. “Cổ tức”: Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính.
6. “Vốn điều lệ”: vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được quy định tại Điều lệ Công ty.
7. Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Bản công bố thông tin này có nội dung như sau:

CTCP	:	Công ty cổ phần
HATEXCO	:	Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
BKS	:	Ban kiểm soát
BGD	:	Ban Tổng giám đốc
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
HĐLĐ	:	Hợp đồng lao động
TSCĐ	:	Tài sản cố định
TSLĐ	:	Tài sản lưu động
UBND	:	Ủy ban nhân dân
BHXH	:	Bảo hiểm xã hội
CPH	:	Cổ phần hóa
DNNN	:	Doanh nghiệp Nhà nước
HĐKD	:	Hoạt động kinh doanh
KT-XH	:	Kinh tế xã hội
GTDN	:	Giá trị doanh nghiệp

PHẦN IV: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA

1. Tóm tắt quá trình hình thành phát triển của Công ty

Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, trực thuộc UBND TP Hà Nội. Lịch sử hình thành và phát triển Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội có thể chia làm 4 giai đoạn phát triển.

1.1 Giai đoạn từ năm 1959 đến năm 1973

Tiền thân của Công ty là Xí nghiệp 19/5 được thành lập từ tháng 05/1959, Xí nghiệp 19/5 được hợp nhất từ một số cơ sở dệt tư nhân và các hợp tác xã dệt khăn mặt, bít tất, vải kaki, vải phin, popolin,... như Việt Thắng, Tây Hồ... Vì thế dây chuyền sản xuất máy móc thiết bị mang tính chất nhỏ lẻ, manh mún và lạc hậu; năng suất, chất lượng thấp. Xí nghiệp có trụ sở đặt tại số 4 Hàng Chuối, Hà Nội. Sản phẩm chính của xí nghiệp là bít tất, khăn mặt, vải kaki, vải phin, popolin,... phục vụ cho bảo hộ lao động và công tác quốc phòng.

Số lượng công nhân của xí nghiệp thời kỳ này khoảng 250 người. Sản lượng hàng năm luôn tăng từ 10-15%.

Năm 1964, đất nước có chiến tranh một bộ phận của xí nghiệp được sơ tán về thôn Văn – xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội làm nhiệm vụ se sợi và dệt vải bạt. Để tăng sản lượng sản xuất vải bạt. Để tăng sản lượng sản xuất xí nghiệp được Nhà nước cho phép nhập thêm 50 máy dệt Trung Quốc mới đưa vào sản xuất nhằm phục vụ cho công tác quốc phòng (võng, ba lô).

Năm 1967, Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội quyết định tách bộ phận dệt bít tất của Xí nghiệp thành Xí nghiệp Dệt kim Hà Nội với nhiệm vụ chủ yếu phục vụ cho Quốc phòng.

1.2 Giai đoạn từ năm 1974 đến năm 1988

Năm 1980, Xí nghiệp được phê duyệt luận chứng kinh tế, kỹ thuật xây dựng cơ sở mới ở Nhân Chính, Thanh Xuân với diện tích 4,5 ha và được đầu tư thêm 100 máy dệt hiệu UTAS Tiệp Khắc. Quá trình xây dựng cơ bản từ năm 1981 đến năm 1985 thì hoàn thành. Lúc này số lượng cán bộ công nhân xí nghiệp là 520 người, hàng năm sản xuất ra hơn 1,8 triệu mét vải quy chuẩn các loại.

Năm 1983, xí nghiệp được Ủy ban Nhân dân TP Hà Nội quyết định đổi tên thành nhà máy Dệt 19/5 Hà Nội.

Năm 1988, nhà máy Dệt 19/5 Hà Nội thực tế đưa vào sản xuất 209 máy Dệt các loại với 150 công nhân, hàng năm sản xuất ra 500 tấn sợi và 2,7 triệu mét vải quy chuẩn các loại.

1.3 Giai đoạn từ năm 1989 đến năm 1999

Giai đoạn này, nền kinh tế bao cấp chuyển sang nền kinh tế thị trường nên nhà máy đã gặp nhiều khó khăn. Sản phẩm do nhà máy làm ra không được thị trường chấp nhận, hàng năm nhà máy chỉ tiêu thụ được 1 triệu mét vải bạt các loại, trong khi đó tổng số lượng công nhân hơn một nghìn người và bộ máy quản lý cồng kềnh thiếu đồng bộ, mang nặng tính quan liêu khiến cho kết quả hoạt động kinh doanh của nhà máy suy giảm.

Đứng trước khó khăn đó, ban lãnh đạo nhà máy đã mạnh dạn cải tổ lại sắp xếp lại bộ máy quản lý,

bộ phận sản xuất, đa dạng hóa kinh doanh, tìm kiếm mặt hàng mới, chủ động chào hàng, tìm bạn hàng...giải quyết chế độ cho công nhân nghỉ hưu sớm, nghỉ mất sức, chuyển đổi công tác Ngày 08/07/1993, theo Quyết định số 2555/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hà Nội, nhà máy Dệt 19/5 được đổi tên thành Công ty Dệt 19/5 Hà Nội. Từ đó, Công ty đã góp vốn liên doanh với nhà đầu tư Singapore, đây là một trong những liên doanh đầu tiên trong ngành Dệt may tại Việt Nam. Doanh nghiệp đã góp 20% vốn bằng đất đai, nhà xưởng và chuyển 500 lao động từ doanh nghiệp sang liên doanh. Cũng trong năm này, công ty đầu tư thêm 2 máy se sợi nặng của Trung Quốc. Lô hàng bạt nặng đầu tiên đã được ký hợp đồng tiêu thụ ngay 80.000m.

Năm 1998, công ty đầu tư thêm dây truyền dệt tự động mang nhãn hiệu UTAS Tiệp Khắc.

1.4 Giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2008

Năm 2001 công ty đã đầu tư và mở rộng thêm nhà máy kéo sợi có công suất 1250 tấn/năm, sản lượng thực tế là 1700 tấn/năm làm tăng doanh thu năm 2001 lên 43 tỷ đồng.

Năm 2002, công ty tham gia liên doanh với tập đoàn Norfolk Singapore.

Tháng 6/2002 sau nhiều nỗ lực công ty được tổ chức Quốc tế QMS của Australia cấp chứng chỉ ISO 9002 khẳng định chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp với bạn hàng.

Tháng 12/2002 công ty đã mở rộng sang lĩnh vực may thêm với 600.000 sản phẩm may/năm và 1,5 triệu sản phẩm thêu/năm, đưa giá trị xuất khẩu của công ty lên đến 180.000 USD.

Từ năm 2005, công ty bắt đầu thành lập Nhà máy liên hợp sợi, dệt tại Khu Công nghiệp Đồng Văn, tỉnh Hà Nam gồm 01 dây chuyền kéo sợi hiện đại công suất 5.000 tấn/năm, 01 dây chuyền hiện đại sản xuất vải dệt thoi chất lượng cao công suất 7.000.000 mét vải/năm đặc biệt trong thời điểm nhà nước thắt chặt tín dụng, lãi suất ngân hàng quá cao bằng nguồn vốn vay ngân hàng và nguồn khác trong khi chưa nhận được nguồn hỗ trợ di dời từ vị trí cũ. Điều này đã khiến Công ty thiếu vốn trầm trọng, làm giảm tính cạnh tranh, hạn chế hiệu quả sản xuất của Công ty.

1.5 Giai đoạn từ năm 2008 đến nay

Ngày 22/8/2005 UBND Thành phố Hà Nội có Quyết định số 132/2005/QĐ- UB về việc chuyển Công ty Dệt 19/5 Hà Nội thành Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội; Quyết định số 2755/QĐ-UBND ngày 17/6/2011 của UBND Thành phố Hà Nội về việc đổi tên và điều chỉnh cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội. Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội là doanh nghiệp nhà nước hạch toán độc lập được thành lập.

Năm 2008, do nền kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của cuộc khủng hoảng kinh tế giới làm ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình của các Doanh nghiệp trong nước. Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội cũng chịu những tác động lớn làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình hoạt động của công ty.

Năm 2009, Công ty đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng huân chương lao động và một số giải thưởng giá trị khác. Đảng bộ Công ty được công nhận là Đảng bộ vững mạnh, xuất sắc nhiều năm liền.

Năm 2011, Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Dệt Minh Khai được sát nhập vào Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội và đổi tên thành Nhà máy Dệt Minh Khai

Ngày 19/3, UBND Thành phố ban hành Quyết định số 1205/QĐ-UBND về việc chuyển Nhà máy Dệt Minh Khai thành Công ty cổ phần Dệt Minh Khai. Hiện nay, nhà máy Dệt Minh Khai đã hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần, số vốn điều lệ là 32 tỷ, và Công ty TNHH một thành viên dệt 19/5 Hà Nội đang nắm giữ 35% vốn điều lệ.

2. Tên, địa chỉ của doanh nghiệp

- Tên gọi đầy đủ : **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỆT 19/5 HÀ NỘI**
- Tên quốc tế : Hanoi May 19th Textile One Member Limited Company.
- Tên gọi tắt : HATEXCO.
- Tên tiếng Anh : Hanoi May 19th Textile One Member Limited Company.
- Trụ sở giao dịch : Số 203 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 043 8584551
- Vốn điều lệ : **250.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi tỷ đồng)
- Cơ quan chủ quản (Chủ sở hữu): Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội
- Loại hình doanh nghiệp : Công ty TNHH một thành viên; hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ, có con dấu riêng.
- Giấy chứng nhận ĐKDN: số 0100100495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 12/09/2005 và thay đổi lần thứ 2 ngày 25/12/2013.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 25/12/2013, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

Bảng số 01: Ngành nghề kinh doanh của công ty

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất sợi;	1311
2	Sản xuất vải dệt thoi;	1312
3	Hoàn thiện sản phẩm dệt;	1313
4	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác; - Sản xuất và gia công các sản phẩm vải len như: + Vải nhung và vải bông; + Lưới và đồ trang trí cửa sổ, vải đan trên máy Raschel và các máy tương tự ; + Các loại vải bằng đan móc khác.	1321

TT	Tên ngành	Mã ngành
	- Sản xuất sản phẩm giả da lông thú từ việc may đan.	
5	Sản xuất, gia công hàng may sẵn;	1322
6	Sản xuất thảm, chăn, đệm;	1323
7	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu; - Sản xuất các sản phẩm tấm dệt khổ hẹp, bao gồm các tấm dệt sợi ngang không có sợi dọc được ghép với nhau thông qua chất kết dính; - Sản xuất đồ tía trang trí: vải viền, quả tua, - Sản xuất nỉ; - Sản xuất màn tuyn và các màn bằng vải khác, sản xuất viền đăng ten cuộn, đăng ten mảnh, dải hoặc mẫu ten rời để trang trí; - Sản xuất các loại vải được tráng hoặc xử lý khác nhau như: quần áo đi săn, vải buồm, lều bạt, vải dùng cho họa sĩ, vải thô và các loại vải hồ cứng... - Sản xuất vải quần áo dễ co giãn;	1329
8	May trang phục;	1410
9	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc;	1430
10	Sản xuất giày dép;	1520
11	Sản xuất sợi nhân tạo;	2030
12	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;	4641
13	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ vải trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;	4751
14	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn hóa chất (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp).	4669
15	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng gia và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;	4771

TT	Tên ngành	Mã ngành
16	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;	4659
17	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da;	9523
18	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú;	9620
19	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;	6810
20	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;	4651
21	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
22	Xây dựng nhà các loại;	4100
23	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;	4210
24	Xây dựng công trình công ích;	4220
25	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; - Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: + Các nhà máy lọc dầu; + Các xưởng hóa chất; - Xây dựng công trình cửa như: + Đường thủy, bến cảng và các công trình trên không, các cảng du lịch, cửa cống; + Đập và đê; - Xây dựng đường hầm;	4290
26	Phá dỡ;	4311
27	Chuẩn bị mặt bằng;	4312
28	Lắp đặt hệ thống điện;	4321
29	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng và điều hòa không khí;	3530
30	Sửa chữa máy móc, thiết bị;	3312
31	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;	3313

TT	Tên ngành	Mã ngành
32	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;	3320
33	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;	4322
	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;	4329
	- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;	
	- Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như:	
34	+ Thang máy, cầu thang tự động;	
	+ Các loại cửa tự động;	
	+ Hệ thống đèn chiếu sáng;	
	+ Hệ thống hút bụi;	
	+ Hệ thống âm thanh;	
	+ Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí;	
35	Hoàn thiện công trình xây dựng;	4330
	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;	4390
	- Các công việc dưới bề mặt;	
36	- Xây dựng bể bơi ngoài trời;	
	- Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài tòa nhà;	
	- Thuê cần trục có người điều khiển;	
37	Cho thuê xe có động cơ;	7710
	Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác:	7730
38	- Cho thuê máy móc thiết bị xây dựng;	
	- Cho thuê máy móc thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính);	
39	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính (trừ bản quyền, như sách hoặc phần mềm);	7740
40	Đại lý, môi giới; đấu giá;	4610
41	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe	4931

TT	Tên ngành	Mã ngành
	buýt);	
42	Vận tải hành khách đường bộ khác; - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;	4932
43	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;	4933
44	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;	5210
45	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
46	Bốc xếp hàng hóa;	5224
47	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;	5229
48	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;	7810
49	Cung ứng và quản lý nguồn lao động: - Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước.	7830
50	Giáo dục nghề nghiệp;	8532
51	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: - Khách sạn; - Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;	5510
52	Cơ sở lưu trú khác; - Ký túc xá học sinh, sinh viên; - Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùng để nghỉ tạm;	5590
53	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;	5610
54	Cung cấp dịch vụ phục vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...)	5621
55	Dịch vụ ăn uống khác; - Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời	5629

TT	Tên ngành	Mã ngành
	gian cụ thể;	
56	Dịch vụ phục vụ đồ uống;	5630
57	Vệ sinh chung nhà cửa;	8121
58	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác; - Vệ sinh bên ngoài cho tất cả các công trình, bao gồm các văn phòng, nhà máy, cửa hàng, cơ quan và các khu nhà đa mục tiêu khác; - Dịch vụ vệ sinh chuyên nghiệp cho khu nhà như làm sạch cửa sổ, làm sạch ống khói hoặc vệ sinh lò sưởi, lò thiêu, nồi đất, ống thông gió, các bộ phận của ống	8129
59	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
60	Đại lý du lịch;	7911
61	Điều hành tua du lịch;	7912
62	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch.	7920
63	Hoạt động của các cơ sở thể thao;	9311
64	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;	9312
65	Hoạt động thể thao khác; - Hoạt động của các khu săn bắt và câu cá thể thao; - Hoạt động hỗ trợ cho câu cá và săn bắn mang tính thể thao hoặc giải trí;	9319
66	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề;	9321
67	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu; - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khóa, ghế tựa... - Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền; - Hoạt động hội trợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên.	9329

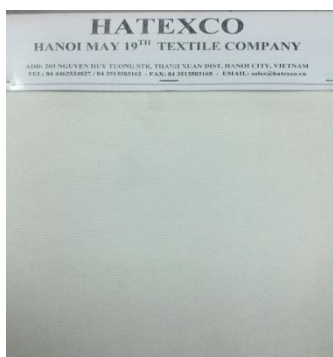
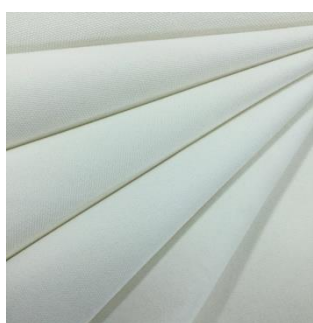
(Nguồn: Giấy CNĐK doanh nghiệp của Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội)

4. Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu

Ngành nghề sản xuất, kinh doanh chính của Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội là: sản

xuất và kinh doanh sợi cotton, vải bạt, vải khác và sản phẩm may mặc DQTV các loại v.v ...

Các loại sợi và vải, quần áo DQTV hiện Công ty đang sản xuất được như sau:



- Sợi cotton các loại có chỉ số từ Ne8-Ne32: được cung cấp một phần cho các nhà máy dệt của Công ty và tiêu thụ trên thị trường trong nước và xuất khẩu trong khu vực. Sản phẩm sợi của công ty có chất lượng cao và có uy tín trên thị trường.
- Vải bạt các loại: Đây là sản phẩm truyền thống cung cấp cho các công ty sản xuất giày xuất khẩu ở khắp mọi miền đất nước và chủ yếu trong thị trường miền nam. Ngoài ra sản phẩm vải khổ rộng chất lượng cao cung cấp cho các khách hàng làm rèm, chăn ga gối...
- Sản phẩm may mặc: Chủ yếu là quần áo dân quân tự vệ cung cấp cho lực lượng vũ trang và quốc phòng...

* Sản lượng sản phẩm chủ yếu các năm gần đây:

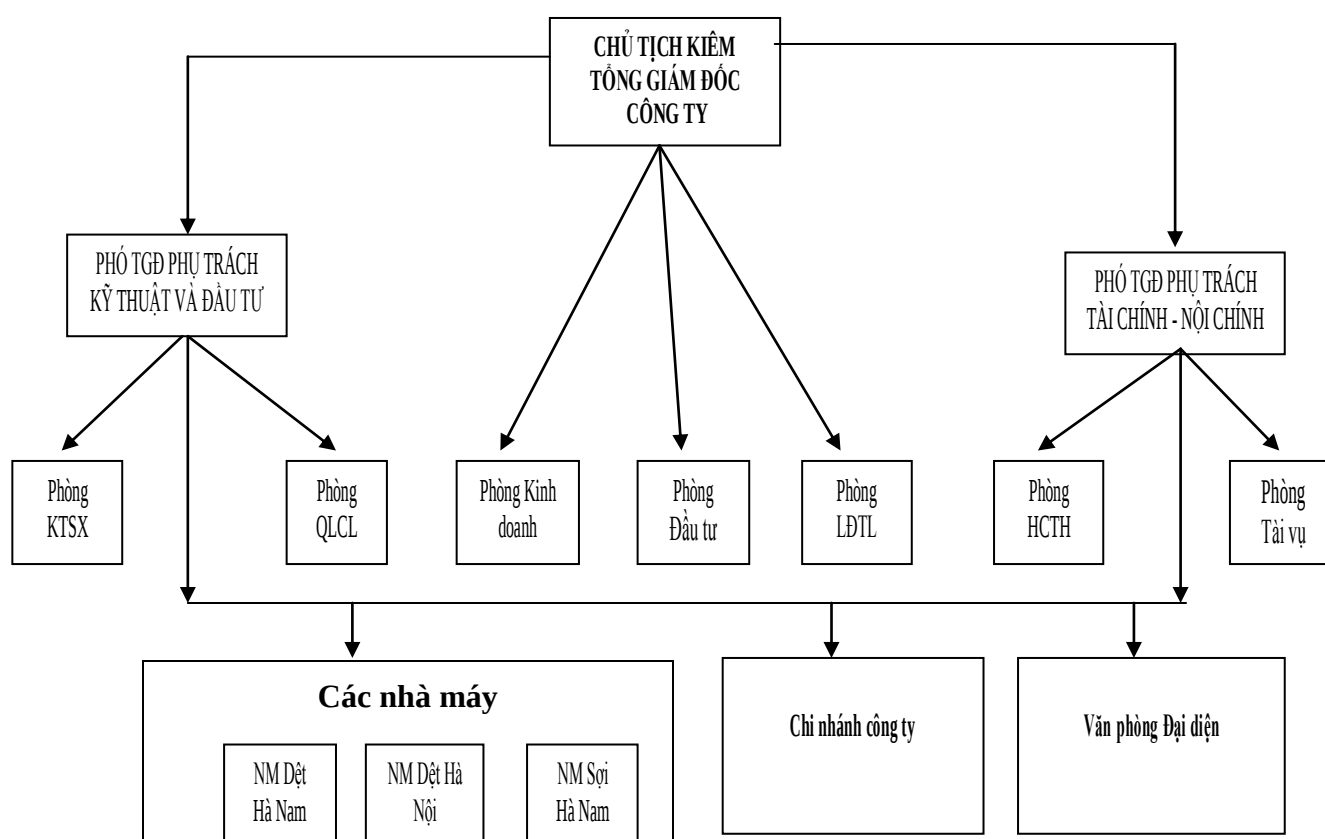
SẢN PHẨM	NĂM 2012		NĂM 2013		NĂM 2014		6 tháng đầu năm 2015	
	Sản lượng	Tỷ trọng (%)	Sản lượng	Tỷ trọng (%)	Sản lượng	Tỷ trọng (%)	Sản lượng	Tỷ trọng (%)
Vải các loại (m)	2.892.092,4	100	3.250.341,9	100	2.940.353,5	100	1.744.541,2	100
Vải bạt	743.825,5	25,7	969.519,5	29,8	1.310.910,3	44,6	582.166,2	33,4
Vải may mặc	2.148.266,9	74,3	2.280.822,4	70,2	1.629.443,2	55,4	1.162.375,0	66,6
Sợi các loại (kg)	932.096,3	100	1.704.618,1	100	1.366.826,5	100	894.219,3	100
Sợi cọc	762.274,8	81,8	1.443.855,6	84,7	1.001.664,9	73,3	612.840,1	68,5
Sợi OE	169.821,5	18,2	260.762,5	15,3	365.161,6	26,7	281.379,2	31,5

(Nguồn: Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội)

5. Cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội trước khi cổ phần hóa

Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội hiện được tổ chức theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2005. Cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty hiện nay theo mô hình Công ty TNHH một thành viên gồm có: Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc công ty, Phó tổng giám đốc công ty, các phòng ban nghiệp vụ thuộc văn phòng và các đơn vị trực thuộc.

Sơ đồ tổ chức và quản lý cụ thể như sau:



Nguồn: Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội

*** 03 Công ty Liên doanh:**

- Công ty TNHH Tập đoàn sản xuất hàng dệt, may 19/5 Hà Nội.
- Công ty Liên doanh Norfolk Hatexco
- Công ty Liên doanh 20 tháng Một

*** 02 Công ty liên kết:**

- Công ty Cổ phần HBI.
- Công ty Cổ phần Dệt Minh Khai

• Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty

Chủ tịch Công ty do Chủ sở hữu Công ty bổ nhiệm; thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu Công ty theo phân cấp được quy định tại Điều lệ Công ty; chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu Công ty và pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ, trách nhiệm về sự phát triển của Công ty theo mục tiêu, nhiệm vụ do Chủ sở hữu Công ty giao.

Chủ tịch Công ty có quyền nhân danh Chủ sở hữu Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến việc xác định và thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Chủ sở hữu Công ty quy định tại Điều lệ công ty.

Tổng Giám đốc Công ty là người điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty theo mục tiêu, kế

hoạch và các nghị quyết, quyết định của Công ty phù hợp với Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty; chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu, Chủ tịch Công ty và pháp luật về thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

- **Phó tổng giám đốc: Gồm 02 thành viên**

Phó Tổng giám đốc Công ty là người giúp Tổng giám đốc Công ty điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc Công ty.

Phó Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu của Công ty, Chủ tịch, Tổng giám đốc Công ty và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

- **Kế toán trưởng.**

Kế toán trưởng Công ty là người giúp Chủ tịch, Tổng giám đốc Công ty quản lý, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn và thực hiện nghiệp vụ về tài chính, kế toán của Công ty theo quy định của pháp luật.

Kế toán trưởng Công ty chịu trách nhiệm trước Chủ tịch, Tổng giám đốc Công ty và pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

- **Các phòng ban chức năng bao gồm:**

Phòng Tài vụ:

Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc về mặt quản lý tài chính, hạch toán kế toán trong toàn Công ty;

Tổ chức và triển khai các quy định của Nhà nước về kế toán thống kê, quản lý các đối tượng tài chính theo đúng quy định của pháp luật và Quy chế tài chính của Công ty;

Tổ chức hạch toán nội bộ và phân tích hoạt động kinh tế hàng năm của Công ty;

Tổ chức lưu trữ toàn bộ chứng từ, sổ sách và biểu kế toán theo quy định hiện hành;

Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp sử dụng nguồn tiền, vốn một cách hiệu quả để tư vấn cho ban giám đốc.

Phòng Lao động tiền lương:

Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc triển khai công tác quản lý tiền lương, thu nhập, công tác phát triển nguồn nhân lực, công tác tổ chức cán bộ trong toàn Công ty;

Tổ chức xây dựng định mức lao động, đơn giá tiền lương; lập và quản lý hồ sơ lao động, hợp đồng lao động của toàn thể CB - CNV trong Công ty;

Tuyển dụng lao động có chất lượng cao đáp ứng với yêu cầu của hệ thống quản lý chất lượng và nhu cầu sản xuất, kinh doanh của Công ty. Lập kế hoạch và tổ chức công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho CBCNV, tổ chức nâng bậc, nâng lương hàng năm;

Lập kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện giải quyết các chế độ, chính sách của nhà nước và Công ty có liên quan đến người lao động;

Giữ chức năng thường trực Hội đồng kỷ luật, Hội đồng bảo hộ lao động và giám sát công tác PCCN, bảo vệ môi trường của Công ty;

Xây dựng và giám sát thực hiện các Nội quy, quy chế của Công ty đảm bảo đáp ứng với thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành;

Phòng Hành chính tổng hợp:

Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc bảo vệ tài sản, giữ gìn an ninh trật tự trong toàn Công ty. Thực hiện công tác phòng chống lụt bão, PCCN của Công ty;

Thực hiện nghiệp vụ hành chính, quản lý đất đai, nhà xưởng, phương tiện vận tải và cung cấp thiết bị văn phòng toàn Công ty;

Thực hiện công tác quốc phòng, chính sách hậu phương quân đội và luật nghĩa vụ quân sự, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên;

Thường trực Công ty trong công tác đền ơn đáp nghĩa và hoạt động từ thiện của Công ty;

Tổ chức và triển khai thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu cho CBCNV, tổ chức khám sức khỏe định kỳ, giới thiệu lên tuyến trên khám và điều trị cho CBCNV theo chế độ của nhà nước;

Phụ trách theo dõi công tác pháp chế.

Phòng Kỹ thuật- Quản lý Chất lượng:

Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc theo dõi, triển khai kế hoạch sản xuất;

Thực hiện các công việc liên quan đến công tác xuất nhập khẩu;

Thực hiện triển khai nhận và giao gia công đối với các đối tác bên ngoài.

Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc quản lý vật tư, nguyên nhiên liệu, thành phẩm và bán thành phẩm trong toàn Công ty;

Thường xuyên theo dõi nắm vững pháp luật, chế độ chính sách hiện hành của Nhà nước về xuất nhập khẩu để tiến hành mua vật tư và xuất các sản phẩm đảm bảo đạt hiệu quả kinh tế;

Xây dựng kế hoạch cân đối nhu cầu vật tư, nguyên, nhiên vật liệu, bảo đảm cung ứng, cấp phát, hạch toán kịp thời đúng tiến độ theo yêu cầu kế hoạch sản xuất kinh doanh;

Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm và hợp lý hoá sản xuất.

Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong công tác quản lý kỹ thuật, quản lý máy móc, thiết bị và định hướng phát triển khoa học, kỹ thuật trước mắt cũng như lâu dài của Công ty;

Tổ chức nghiên cứu thiết kế, chế thử sản phẩm mới theo kế hoạch của Công ty và khách hàng; thực hiện công tác điều độ sản xuất của Công ty;

Tổ chức triển khai đề tài, dự án, sáng kiến cải tiến kỹ thuật và ứng dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất;

Quản lý máy móc, thiết bị toàn Công ty và lập kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng theo định kỳ và đột xuất; lập các hướng dẫn công việc và quy trình về sử dụng thiết bị đảm bảo an toàn và hiệu quả;

Tổ chức giám định các thiết bị có yêu cầu quản lý nghiêm ngặt;

Triển khai công tác thi tay nghề và nâng bậc của công nhân;

Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong công tác quản lý chất lượng sản phẩm của toàn Công ty;

Thường trực công tác ISO toàn Công ty;

Tổ chức, thực hiện công tác kiểm tra chất lượng vật tư, bán thành phẩm đầu vào, các chi tiết sản phẩm, thành phẩm trong quá trình sản xuất;

Xác định và thực hiện việc kiểm tra chất lượng sản phẩm tại các phân xưởng;

Phân tích và tổng hợp kết quả kiểm tra, xử lý các dữ liệu thông tin trong quá trình sản xuất có liên quan đến chất lượng sản phẩm;

Tham gia tổ chức và trực tiếp tham gia các đợt đánh giá hệ thống quản lý chất lượng do Công ty hoặc các đơn vị ngoài Công ty thực hiện;

- Theo dõi và đề xuất những thay đổi trong hệ thống quản lý chất lượng, trình lãnh đạo xem xét. Tham gia giúp lãnh đạo Công ty về nội dung và chương trình cho buổi họp định kỳ xem xét của lãnh đạo về HTQLCL của Công ty;

Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm và hợp lý hoá sản xuất.

Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm và hợp lý hoá sản xuất.

Phòng Kinh doanh:

Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong lĩnh vực định hướng và phát triển kế hoạch sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, phát triển thị trường, điều độ sản xuất đảm bảo hiệu quả kinh tế; trước mắt cũng như lâu dài;

Tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc ký kết các hợp đồng kinh tế trong lĩnh vực tiêu thụ sản phẩm, đánh giá, lựa chọn nhà cung ứng nguyên liệu;

Tổ chức theo dõi thực hiện việc vận chuyển thành phẩm nhằm đảm bảo cung cấp cho khách hàng những sản phẩm đạt yêu cầu chất lượng cao;

Quản lý, sử dụng hoá đơn tự in của Công ty theo đúng hướng dẫn của cơ quan thuế và quy định của Công ty;

Tổ chức, theo dõi và thực hiện công tác tiêu thụ sản phẩm. Tìm hiểu thị hiếu, nhu cầu khách hàng để đưa ra các kế hoạch sản xuất, chiến lược thu hút khách hàng và mở rộng mạng lưới tiêu thụ sản phẩm.

Phòng Đầu tư:

Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong lĩnh vực định hướng và phát triển kế hoạch đầu tư, phát triển sản xuất trước mắt cũng như lâu dài;

Tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc ký kết các hợp đồng trong lĩnh vực đầu tư mới;

Tổ chức theo dõi thực hiện việc triển khai các dự án đầu tư của Công ty đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

Nhà máy Dệt Hà Nam:

Thực hiện sản xuất vải theo kế hoạch của Công ty đảm bảo đủ số lượng, đúng chất lượng và khuyến khích vượt mức kế hoạch đề ra;

Phối hợp với các đơn vị có liên quan trong Công ty để quản lý sản xuất, quản lý lao động, quản lý máy móc thiết bị ,... tại Công ty;

Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm và hợp lý hoá sản xuất.

Nhà máy Dệt Hà Nội:

Thực hiện sản xuất các sản phẩm vải theo kế hoạch của Công ty đảm bảo đủ số lượng, đúng chất lượng và khuyến khích vượt mức kế hoạch đề ra;

Phối hợp với các đơn vị có liên quan trong Công ty để quản lý sản xuất, quản lý lao động, quản lý máy móc thiết bị ,... tại Công ty;

Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm và hợp lý hoá sản xuất.

Nhà máy sợi Hà Nam:

Thực hiện sản xuất các sản phẩm sợi theo kế hoạch của Công ty đảm bảo đủ số lượng, đúng chất lượng và khuyến khích vượt mức kế hoạch đề ra;

Phối hợp với các đơn vị có liên quan trong Công ty để quản lý sản xuất, quản lý lao động, quản lý máy móc thiết bị ,... tại Công ty;

Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm và hợp lý hoá sản xuất.

- **Các chi nhánh và văn phòng đại diện trực thuộc:**

Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội- Nhà máy Liên hợp sợi, dệt, nhuộm và May có địa chỉ tại: Khu Công nghiệp Đồng Văn, Xã Duy Minh, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

Văn phòng đại diện Công ty tại Nam Định có địa chỉ tại: Số 371 Hàn Thuyên, phường Trần Tế Xương, Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- **Mối quan hệ giữa Công ty với các đơn vị trực thuộc:**

Công ty là cấp trên của các đơn vị trực thuộc. Sự điều hành của Công ty đối với các đơn vị trực thuộc được thể hiện bằng sự phân cấp. Hàng năm Công ty đặt chỉ tiêu, kế hoạch cho từng đơn vị trực thuộc, các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm hoàn thành kế hoạch.

- **Các tổ chức chính trị đoàn thể trong Công ty**

Đảng bộ Công ty trực thuộc Đảng bộ Khối doanh nghiệp Hà Nội, là đảng bộ có truyền thống phát triển vững mạnh. Tổng số đảng viên đến 30/06/2015 là 38 đảng viên, sinh hoạt tại 05 Chi bộ trực thuộc.

Công đoàn Công ty trực thuộc công đoàn ngành Dệt may Hà Nội là một tổ chức công đoàn phát triển mạnh mẽ, cùng với chuyên môn chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Đến thời điểm 30/06/2015 có 300 đoàn viên công đoàn. Đoàn thanh niên Công ty cũng là một tổ chức phát triển mạnh. Cùng với các tổ chức công đoàn, các tổ chức chính trị xã hội khác trong doanh nghiệp luôn được Công ty quan tâm và tạo điều kiện tốt để hoạt động, phát triển. Tổ chức Đảng luôn đạt trong sạch vững mạnh; tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên luôn đạt vững mạnh và xuất sắc. Các tổ chức này đều phát huy tốt vai trò và sức ảnh hưởng của mình đến mọi mặt hoạt

động của doanh nghiệp, qua đó đã góp phần quan trọng trong việc ổn định và thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

6. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần

6.1. Số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp

Tổng số lao động có tên trong danh sách lao động thường xuyên tại thời điểm xác định và công bố giá trị doanh nghiệp (dự kiến ngày 30/9/2015) là: 340 người.

Phân loại lao động của Công ty theo bảng sau:

Bảng số 02: Phân loại lao động tại Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội

TT	Nội dung	Tổng số
I	Phân tích theo tính chất hợp đồng	340
	* Trong đó:	
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	04
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	104
3	Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	202
4	Lao động làm việc theo HĐLĐ dưới 12 tháng	30
II	Phân loại theo trình độ lao động	
1	Trên Đại học	03
2	Đại học, Cao đẳng	30
3	Trung cấp, Sơ cấp	10
4	Công nhân kỹ thuật	190
5	Lao động phổ thông	88
6	Bảo vệ	17
7	Lái xe	02
III	Phân theo giới tính lao động	
1	Lao động Nam	128
2	Lao động Nữ	212

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội)

6.2. Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần

Số lao động chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần là 340 người. Nhu cầu lao động cần khi chuyển sang công ty cổ phần là 400 người.

Dựa trên cơ sở nguồn lao động hiện có và kế hoạch kinh doanh của Công ty sau khi chuyển sang hình thức Công ty cổ phần, Công ty dự kiến sắp xếp lại toàn bộ lực lượng lao động cho

phù hợp với cơ cấu tổ chức mới của công ty cổ phần.

Bảng số 03: Kế hoạch sắp xếp lao động

STT	Nội dung	Tổng số (người)
I	Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	340
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	01
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	107
3	Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	202
4	Lao động làm việc theo mùa vụ hoặc một số công việc nhất định dưới 12 tháng	30
II	Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	0
1	Số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo chế độ hiện hành	0
A	Theo Nghị định 152/2006/NĐ-CP	0
B	Theo Nghị định 91/2010/NĐ-CP	0
2	Số lao động sẽ chấm dứt HĐLĐ, chia ra:	0
A	Hết hạn HĐLĐ	0
B	Đơn phương chấm dứt HĐLĐ	0
3	Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp, chia ra:	0
A	Số lao động thực hiện theo Nghị định 91/2010/NĐ-CP	0
B	Số lao động thực hiện theo Bộ luật Lao động	0
III	Số lao động dự kiến sẽ làm việc tại Công ty cổ phần	400
1	Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần	340
A	Số lao động mà HĐLĐ còn thời hạn	335
B	Số lao động nghỉ theo chế độ BHXH, chia ra:	05
	Ốm đau	0
	Thai sản	05
	Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	0
C	Số lao động đang tạm hoãn HĐLĐ, chia ra:	0
	Nghĩa vụ quân sự	0

	<i>Nghĩa vụ công dân khác</i>	<i>0</i>
	<i>Bị tạm giam, tạm giữ</i>	<i>0</i>
	<i>Do hai bên thỏa thuận (không quá 03 tháng)</i>	<i>0</i>
2	<i>Số lao động dự kiến sẽ tuyển mới</i>	<i>60</i>

(Nguồn: Phương án sản xuất kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội)

7. Giá trị thực tế doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa

7.1. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp và vốn Nhà nước

Căn cứ Quyết định số 4904/QĐ-UBND ngày 30/09/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội, Giá trị Doanh nghiệp tại thời điểm 0h ngày 01/07/2015 của Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội như sau:

- Giá trị doanh nghiệp theo sổ sách kế toán : **1.064.843.994.960 đồng**
- Giá trị doanh nghiệp theo xác định lại : **1.073.367.030.437 đồng**
- Giá trị vốn nhà nước theo sổ sách kế toán : **258.876.384.788 đồng**
- Giá trị vốn nhà nước theo xác định lại : **267.399.420.265 đồng**

Bảng số 04: Giá trị thực tế doanh nghiệp tại ngày 30/06/2015

(Đơn vị tính: đồng)

TT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LIỆU THEO BÁO CÁO ĐƠN VỊ	SỐ LIỆU XÁC ĐỊNH LẠI	CHÊNH LỆCH
	(1)	(2)	(3)	(4)= (3) - (2)
A	TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I + II + III + IV)	1.064.843.994.960	1.073.367.030.437	8.523.035.477
I	TSCĐ và đầu tư dài hạn	151.271.296.921	159.794.332.398	8.523.035.477
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
2	Tài sản cố định	144.063.953.659	152.586.989.136	8.523.035.477
a.	<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	128.728.044.088	137.251.079.565	8.523.035.477
	<i>- Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	54.626.627.651	61.694.408.910	7.067.781.259
	<i>- Máy móc thiết bị</i>	73.168.472.347	74.601.104.082	1.432.631.735

TT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LIỆU THEO BÁO CÁO ĐƠN VỊ	SỐ LIỆU XÁC ĐỊNH LẠI	CHÊNH LỆCH
	- <i>Phương tiện vận tải</i>	932.944.090	955.566.573	22.622.483
b.	<i>Tài sản cố định vô hình</i>	-	-	-
c.	<i>Tài sản cố định thuê tài chính</i>	-	-	-
d	<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>	15.335.909.571	15.335.909.571	
3	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	7.207.343.262	7.207.343.262	-
4	Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	-	-	-
5	Tài sản dài hạn khác	-	-	-
II	TSLĐ và Đầu tư ngắn hạn	913.572.698.039	913.572.698.039	-
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	3.874.216.866	3.874.216.866	-
	+ <i>Tiền mặt</i>	2.255.047.076	2.255.047.076	-
	+ <i>Tiền gửi ngân hàng</i>	1.619.169.790	1.619.169.790	-
	+ <i>Các khoản tương đương tiền</i>	-	-	-
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
3	Các khoản phải thu	347.769.347.585	347.769.347.585	-
4	Vật tư, hàng hóa tồn kho	538.670.114.615	538.670.114.615	-
5	Tài sản ngắn hạn khác	23.259.018.973	23.259.018.973	-
6	Chi phí sự nghiệp	-	-	-
III	Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	-	-	-
IV	Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-

TT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LIỆU THEO BÁO CÁO ĐƠN VỊ	SỐ LIỆU XÁC ĐỊNH LẠI	CHÊNH LỆCH
B	TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG (Chỉ ghi giá trị còn lại theo sổ sách kế toán)	66.516.975.524	66.516.975.524	-
I	TÀI SẢN DÀI HẠN	66.516.975.524	66.516.975.524	-
1	Tài sản cố định hữu hình	-	-	-
2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Công ty cổ phần không kế thừa)	66.516.975.524	66.516.975.524	-
II	TÀI SẢN NGẮN HẠN	-	-	-
C	TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	-	-	-
D	TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI (Không sử dụng cho sản xuất kinh doanh)	-	-	-
	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C + D)	1.131.360.970.484	1.139.884.005.961	8.523.035.477
	Trong đó: TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)	1.064.843.994.960	1.073.367.030.437	8.523.035.477
E1	Nợ thực tế phải trả	805.967.610.172	805.967.610.172	-
	Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN	-	-	-
E2	Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI	258.876.384.788	267.399.420.265	8.523.035.477

TT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LIỆU THEO BÁO CÁO ĐƠN VỊ	SỐ LIỆU XÁC ĐỊNH LẠI	CHÊNH LỆCH
	DOANH NGHIỆP [A - (E1 + E2)]			

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội)

7.2. Xử lý tài chính:

Đầu tư tài chính dài hạn

Căn cứ Quyết định số 4904/QĐ-UBND ngày 30/09/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội, cụ thể như sau:

- Công ty cổ phần được thừa kế khoản vốn Nhà nước góp tại Công ty Liên doanh 20 tháng một với số tiền thực góp ghi nhận trên sổ sách kế toán của Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội tại thời điểm 30/06/2015 là 7.207.343.262 đồng, chiếm 50% vốn góp của các bên Liên doanh.
- Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội có trách nhiệm bổ sung báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2015 của Công ty Liên doanh 20 tháng một để có cơ sở xác định giá trị vốn Nhà nước góp tại công ty Liên doanh 20 tháng một theo quy định. Nếu phát sinh chênh lệch tăng thực hiện nộp Nhà nước và quyết toán vào giai đoạn hậu cổ phần.
- Giao Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội thực hiện thoái vốn Nhà nước trước khi chuyển sang công ty cổ phần tại 04 (bốn) doanh nghiệp, bao gồm: Công ty TNHH Tập đoàn sản xuất hàng dệt may 19/5 Hà Nội, Công ty liên doanh Norfolk Hatexco, Công ty cổ phần HBI, Công ty cổ phần Dệt Minh Khai; nộp tiền thu cổ phần hóa Nhà máy Dệt Minh Khai và tiền thu thoái vốn Nhà nước tại 04 (bốn) doanh nghiệp nêu trên theo quy định.

8. Tài sản chủ yếu của Doanh nghiệp:

8.1. Tình hình sử dụng đất:

Hiện nay, Công ty TNHH Một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội đang sử dụng 03 địa chỉ đất với thông tin chi tiết như sau:

Bảng số 05: Bảng kê đất đai doanh nghiệp đang sử dụng

TT	Vị trí	Diện tích (m ²)	Thời gian sử dụng	Hình thức sử dụng	Mục đích sử dụng	Hồ sơ pháp lý
1	Số 89 Lĩnh Nam, phường Mai Động,	8.715,7	Từ 19/6/2002	Thuê đất trả tiền hàng năm	Cơ sở sản xuất, kinh doanh	Quyết định số 521/QĐ - UBND ngày 28/01/1993 của UBND Thành phố Hà Nội

	quận Hoàng Mai, Hà Nội		đến 18/6/2011			và Hợp đồng thuê đất số 02-245.02/ĐC - NH-HĐTĐ ngày 19/6/2002
2	Thôn Văn, xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Trong đó bao gồm:	14.513,1	Từ năm 1996 đến 31/12/2029			
	<i>Lô thứ nhất</i>	<i>12.756,7</i>		<i>Thuê đất trả tiền hàng năm</i>	<i>Cơ sở sản xuất, kinh doanh</i>	<i>Quyết định số 4129/QĐ-UBND ngày 06/9/2011 của UBND thành phố Hà Nội và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 666151 do Sở TN&MT Hà Nội cấp ngày 10/12/2012</i>
	<i>Lô thứ hai</i>	<i>1.317</i>			<i>Nằm trong quy hoạch mở đường có thể bị thu hồi bất kỳ lúc nào khi Nhà nước có dự án mở đường</i>	<i>Quyết định 3595/QĐ-UBND ngày 21/7/2010 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà đất thuộc sở hữu nhà nước của Công ty và Bản chỉ giới đường đỏ số 161 của Viện Quy hoạch Xây dựng Hà Nội lập ngày 17/02/2011</i>
3	Khu Công nghiệp Đồng Văn, xã Duy Minh, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	60.759	Từ 10/12/2004 đến 10/12/2054	Thuê đất của khu công nghiệp Đồng Văn, tỉnh Hà Nam. Hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Chỉ sử dụng làm cơ sở sản xuất kinh doanh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 579598 do UBND Tỉnh Hà Nam cấp ngày 12/9/2005 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB229056 do Sở TN&MT Tỉnh Hà Nam cấp ngày 20/5/2010. Hợp đồng thuê đất số 89/HĐTĐ ngày 31/12/2009.

(Nguồn: Quyết định 4909/QĐ-UBND ngày 30/09/2015 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội)

8.2. Tình hình tài sản Công ty đang sử dụng:

Bảng số 06: Tình hình tài sản cố định hữu hình tại thời điểm 30/6/2015

TT	Loại tài sản	Giá trị sổ sách		
		Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
1	2	3	4	(5)=(3)-(4)
A	TSCĐ ĐANG DÙNG	260.339.095.749	131.611.051.661	128.728.044.088
1	Nhà, vật kiến trúc	67.917.310.503	13.290.682.852	54.626.627.651
2	Máy móc thiết bị	191.036.906.155	117.868.433.808	73.168.472.347
3	Phương tiện vận tải	1.384.879.091	451.935.001	932.944.090
4	Dụng cụ quản lý	0	0	0
B	TSCĐ KHÔNG CẦN DÙNG	0	0	0
C	TSCĐ CHỜ THANH LÝ	0	0	0
D	TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI	0	0	0
	TỔNG CỘNG (A+B+C+D)	260.339.095.749	131.611.051.661	128.728.044.088

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội)

Bảng số 07: Tình hình nhà cửa, vật kiến trúc tại thời điểm 30/6/2015
Đơn vị tính: đồng

TT	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Năm sử dụng	Giá trị sổ kế toán		
					Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
1	2	3	4	5	7	8	(9)=(7)-(8)
I	Khu công nghiệp Đồng Văn 1, xã Duy Minh, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam				62.500.642.572	11.479.126.782	51.021.515.790
1	Nhà xưởng dệt Hà Nam	m ²	2.647,95	2005	4.172.388.090	840.936.526	3.331.451.564
2	Trạm bơm, cấp nước, cấp điện nhà thường trực, chờ điện				173.502.398	66.816.234	106.686.164
3	Cổng, tường rào, nhà thường trực khu A+B Đồng Văn	Hm	1	2006	1.481.353.411	1.007.294.832	474.058.579
4	Hạ tầng khu công nghiệp Đồng Văn Hà Nam (giai đoạn 1)	Hm	1	2006	6.712.434.046	2.938.890.993	3.773.543.053
5	Nhà vệ sinh xưởng dệt - Đồng Văn	m ²	51,68	2006	128.987.865	44.374.504	84.613.361
6	Sơn tường, tôn trực B, hệ thống cấp nước cứu hoả - Đồng Văn	Hm	1	2006	130.013.392	47.888.954	82.124.438
7	Nhà xưởng dệt (giai đoạn 2) - đợt 1	m ²	5.109,21	2006	4.895.365.072	859.455.549	4.035.909.523

8	Nhà xưởng dệt (giai đoạn 2) - đợt 2+3+4 (Trong xưởng dệt giai đoạn 2 - đợt 4 đã có nhà lò hơi - trạm bơm nước khu B và bể nước khu B)	Hm	1	2007	2.095.805.811	323.848.173	1.771.957.638
9	Nhà điều không nhà máy dệt Hà Nam	m ²	169,52	2007	369.793.913	57.196.344	312.597.569
10	Hạ tầng khu công nghiệp Đồng Văn Hà Nam (giai đoạn 2)	Hm	1	2007	1.106.878.996	171.312.078	935.566.918
11	Trạm khai thác và xử lý nước ngầm - Hà Nam	Hm	1	2007	354.545.910	183.182.100	171.363.810
12	Nhà làm việc 1 tầng số 2 - khu công nghiệp Đồng Văn	m ²	272,13	2008	307.318.618	92.195.550	215.123.068
13	Nhà kho sợi 1 tầng Hà Nam	m ²	2.763,43	2008	4.433.804.505	647.708.456	3.786.096.049
14	Nhà máy kéo sợi (giai đoạn 1)	m ²	7.816,73	2008	22.188.098.782	2.921.433.035	19.266.665.747
15	Nhà điều hành nhà máy kéo sợi	m ²	1.237,2	2009	4.641.794.847	513.667.663	4.128.127.184
16	Nhà ăn giữa ca khu công nghiệp Đồng Văn Hà Nam	m ²	764	2010	3.064.336.514	261.388.396	2.802.948.118
17	Nhà đặt máy hấp sợi - nhà máy sợi	m ²	96,04	2010	297.451.473	128.714.222	168.737.251

	Hà Nam						
18	Nhà cầu khu công nghiệp Đồng Văn Hà Nam	m ²	1.370,28	2010	1.774.926.081	156.785.130	1.618.140.951
19	Hạ tầng kỹ thuật (giai đoạn 3) khu công nghiệp Đông Văn	Hm	1	2011	3.636.638.049	214.254.027	3.422.384.022
20	Công trình vệt đốc Hà Nam	m ²	36,23	2015	535.204.799	1.784.016	533.420.783
II	Số 89 Lĩnh Nam, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội				5.416.667.931	1.811.556.070	3.605.111.861
1	Nhà khung kho Mai Động	m ²			2.198.049.324	1.230.683.880	967.365.444
2	Cổng, tường rào Mai Động	m ²	121,73	1976	137.230.788	29.104.640	108.126.148
3	Nhà văn phòng Mai Động	m ²	128,1	1976	215.076.976	44.941.644	170.135.332
4	Sân, đường, hè nội bộ Mai Động	m ²	1.675,09	1976	284.205.254	60.004.204	224.201.050
5	Nhà kho 89 Lĩnh Nam	m ²	598,92	2010	2.582.105.589	446.821.702	2.135.283.887
	Tổng cộng				67.917.310.503	13.290.682.852	54.626.627.651

(Nguồn: Phương án sản xuất kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội) Trong đó: Hm là hạng mục

9. Danh sách công ty liên doanh và công ty liên kết:

Hiện nay, Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội có 03 công ty liên doanh và 02 công ty liên kết thuộc diện góp vốn đầu tư dài hạn, cụ thể như sau:

9.1. Công ty liên doanh

- **Công ty TNHH Tập đoàn sản xuất hàng Dệt may 19/5 Hà Nội**

Giấy phép đầu tư số 442/GP do Ủy ban Nhà nước về Hợp tác đầu tư, nay là Bộ kế hoạch và đầu tư cấp ngày 19/10/1992 và 03 lần sửa đổi: 442/GPĐC1-BKH-HN ngày 10/8/2001; 442/GPĐC2-BKH-HN ngày 22/02/2005; 442/GPĐC3- BKH-HN ngày 01/11/2005.

Địa chỉ: Số 143 Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 043. 8582246

Fax: 043. 8582302

Vốn điều lệ: 3.370.205 USD

Tỷ lệ nắm giữ của Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội: 20%

Giá trị vốn góp nắm giữ theo sổ sách kế toán: 8.364.815.524 đồng.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Sản xuất quần áo và các sản phẩm may mặc khác để xuất khẩu và tiêu thụ trong nước.

- **Công ty Liên doanh Norfolk Hatexco**

Giấy phép đầu tư số 442/GP do Ủy ban Nhà nước về Hợp tác đầu tư, nay là Bộ kế hoạch và đầu tư cấp ngày 19/10/1992 và 03 lần sửa đổi: 442/GPĐC1-BKH-HN ngày 10/8/2001; 442/GPĐC2-BKH-HN ngày 22/02/2005; 442/GPĐC3- BKH-HN ngày 01/11/2005.

Địa chỉ: Số 143 Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 043. 8582246

Fax: 043. 8582302

Vốn điều lệ: 3.370.205 USD

Tỷ lệ nắm giữ của Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội: 20%

Giá trị vốn góp nắm giữ theo sổ sách kế toán: 8.364.815.524 đồng.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Sản xuất quần áo và các sản phẩm may mặc khác để xuất khẩu và tiêu thụ trong nước.

- **Công ty Liên doanh 20 Tháng Một**

Giấy phép đầu tư số 2186/GP ngày 27/12/2000, Giấy phép điều chỉnh số 2186/GPDDC ngày 11/05/2005 và Giấy chứng nhận điều chỉnh giấy phép đầu tư ra nước ngoài số 2186/GCNĐTRNN/DDC ngày 24/01/2007 do Bộ kế hoạch và Đầu tư cấp.

Địa chỉ: Cây số 15, đường Bắc 13, bản Xi-kọt, huyện Na-sai-thong, thành phố Viêng Chăn – Cộng hòa DCND Lào.

Vốn điều lệ: 425.570 USD

Tỷ lệ nắm giữ của Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội: 50%.

Giá trị vốn góp nắm giữ theo sổ sách kế toán: 7.207.343.262 đồng.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Sản xuất kinh doanh các sản phẩm dệt, dệt kim, các loại bút tất may mặc và sản phẩm liên doanh hợp tác. Nhập khẩu thiết bị, nguyên vật liệu, thuốc nhuộm, hóa

chất.

9.2. Đầu tư vào công ty liên kết

- **Công ty cổ phần Dệt Minh Khai**

Giấy chứng nhận ĐKDN số .0106796293 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành Phố Hà Nội cấp ngày 20/03/2015, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 10/07/2015.

Địa chỉ: Số 423 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Điện thoại: 04 3 8624 271 Fax: 04 3 8624 002

Vốn điều lệ: 32.000.000.000 đồng

Tỷ lệ nắm giữ của Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội: 35%

Giá trị cổ phần nắm giữ theo sổ sách kế toán: 11.200.000.000 đồng

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Sản xuất sợi, vải dệt thoi; Kinh doanh bất động sản.

- **Công ty cổ phần HBI**

Giấy chứng nhận ĐKDN số 0104408749 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Đăng ký lần đầu ngày 02/02/2010 và thay đổi lần thứ 8 ngày 11/11/2014.

Địa chỉ: Số 203 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

Điện thoại: 04 3 557 8093 Fax: 04 3 858 5392

Tỷ lệ nắm giữ của Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội: 35%

Giá trị cổ phần nắm giữ theo sổ sách kế toán: 38.500.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Sản xuất sợi; sản xuất hàng may sẵn, vải dệt kim; bán buôn vải, hàng may sẵn; Kinh doanh bất động sản; Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác...

Theo Quyết định số 4904/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc Phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội:

- Công ty cổ phần được kế thừa khoản vốn Nhà nước góp tại Công ty Liên doanh 20 Tháng Một với số tiền ghi nhận trên sổ sách kế toán của Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội tại thời điểm 30/06/2015 là 7.207.343.262 đồng, chiếm 50% vốn góp của các bên Liên doanh.
- Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội thực hiện thoái vốn Nhà nước khi chuyển sang Công ty cổ phần tại 04 (bốn) doanh nghiệp bao gồm: Công ty TNHH tập đoàn sản xuất hàng dệt may 19/5 Hà Nội, Công ty liên doanh Norfolk Hatexco, Công ty cổ phần HBI, Công ty cổ phần Dệt Minh Khai, nộp tiền thu cổ phần hóa nhà máy dệt Minh Khai và tiền thu thoái vốn nhà nước tại 04 (bốn) doanh nghiệp nêu trên theo quy định. Vì vậy toàn bộ vốn nhà nước tại 04 (bốn) công ty trên không được tính vào giá trị doanh nghiệp khi thực hiện việc tính giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

10. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa

10.1. Tình hình hoạt động kinh doanh

Trong những năm qua, doanh thu của Công ty TNHH Một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội tới từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh chính của Công ty tiêu thụ các sản phẩm bông, vải, sợi, quần áo, các loại vải đặc biệt, nguyên nhiên vật liệu...và kinh doanh khác.

Bảng số 08: Cơ cấu doanh thu thực hiện năm 2012-2015

Đơn vị: Triệu đồng

Tiêu chí	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		06 tháng đầu năm 2015	
	Giá trị	% /DTT	Giá trị	% /DTT	Giá trị	% /DTT	Giá trị (	% /DTT
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	532.335	100	446.071	100	335.107	100	236.217	100
Doanh thu về bán hàng hóa	515.068	96,76	426.674	95,65	319.557	95,36	231.582	98,04
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.267	3,24	21.397	4,35	15.549	4,64	4.635	1,96
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	49.163	9,24	45.099	10,11	91.254	27,23	18.065	7,65

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013, 2014 và BCTC sau quyết toán thuế 6 tháng đầu năm 2015 của Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội)

Qua các chỉ tiêu nêu trên có thể thấy, trong giai đoạn 2012-2015, tổng doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty giảm sút. Nguyên nhân là do trong các năm gần đây tình hình hoạt động của công ty không được tốt, khâu lưu thông hàng hóa đầu ra gặp nhiều khó khăn, khách hàng nước ngoài giảm nhu cầu nhập khẩu nên doanh thu xuất khẩu giảm sút.. Cũng trong đầu năm năm 2015, do cổ phần hóa Nhà máy Dệt Minh Khai thành Công ty Cổ phần Dệt Minh Khai nên doanh thu xuất khẩu của Nhà máy không còn tính vào doanh thu của Công ty TNHH Dệt 19/5, làm chỉ tiêu này giảm đáng kể.

10.2. Nguồn nguyên vật liệu

Nhà máy hoạt động trong lĩnh vực kéo sợi và dệt vải các loại, do đó nguồn nguyên liệu đầu vào rất quan trọng, ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng sản phẩm của Công ty.

Đối với nhà máy kéo sợi, nguồn nguyên liệu đầu vào chủ yếu là bông thiên nhiên các loại được nhập khẩu 100% từ các nước có nguồn bông thích hợp trên thế giới: Mỹ, Nga, Mali, Ấn độ, Nam Phi....

Đối với các nhà máy dệt hiện đang dùng nguồn nguyên vật liệu chính là sợi Cotton được cung ứng trực tiếp từ nhà máy kéo sợi của Công ty và một phần mua từ các nhà máy kéo sợi trong nước.

Nguyên vật liệu	Nhà cung cấp
Bông	Cotton Distributors Inc
	P.D. Sekhsaria Trading Co. Pvt. Ltd
	Công ty Cổ Phần Sợi Trà Lý
Sợi	Công ty Cổ Phần Dệt Vĩnh Phú
	Công ty TNHH Anh Phát
	Công ty Cổ Phần Dệt May Thăng Long

(Nguồn: Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội)

Nguồn nguyên vật liệu đầu vào luôn ổn định do công ty có quan hệ hợp tác lâu dài, hợp đồng cung ứng được ký kết đầy đủ, chặt chẽ với những nhà cung cấp lớn và uy tín nên luôn đảm bảo nguồn cung cấp dồi dào, đảm bảo chất lượng đáp ứng quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty không bị gián đoạn. Tuy nhiên, giá nguyên vật liệu thường không ổn định qua các năm. Nguyên nhân là do nguyên vật liệu đầu vào chủ yếu của công ty là bông thiên nhiên được nhập khẩu tại các thị trường lớn trên thế giới, vì vậy, khi giá bông trên thế giới có sự biến động sẽ kéo sự biến động về giá cả nguyên vật liệu đầu vào làm ảnh hưởng đến doanh thu của công ty. Điển hình như năm 2012, giá bông trên thế giới tăng đột biến dẫn đến tăng giá nguyên vật liệu đầu vào ảnh hưởng đến chi phí giá vốn hàng bán của công ty tăng cao, làm lợi nhuận của công ty giảm đáng kể.

Ngoài ra, nguồn nguyên vật liệu còn bị ảnh hưởng nhiều bởi sự biến động tỷ giá. Nguyên vật liệu của công ty phải nhập khẩu 100% bông thiên nhiên từ nước ngoài nên khi tỷ giá biến động cũng sẽ tác động đến giá cả nguyên vật liệu đầu vào, từ đó hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cũng có những ảnh hưởng nhất định.

10.3. Chi phí sản xuất

Bảng số 09: Cơ cấu chi phí năm 2012-2015

TT	DIỄN GIẢI	Năm 2012				Năm 2013				Năm 2014				6 tháng đầu 2015	
		Số liệu tại BCTC kiểm toán		Số liệu xác định lại sau quyết toán thuế		Số liệu tại BCTC kiểm toán		Số liệu xác định lại sau quyết toán thuế		Số liệu tại BCTC kiểm toán		Số liệu xác định lại sau quyết toán thuế			
		Giá trị (Tr.đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị (Tr.đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị (Tr.đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị (Tr.đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị (Tr.đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị (Tr.đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị (Tr.đồng)	Tỷ trọng /DTT (%)
1	Giá vốn	483.172	88,99	483.045	81,61%	400.972	96,59	409.972	86,77%	243.852	72,07	243.852	74,13%	218.152	75,81
	- Giá vốn bán hàng hóa	482.620	88,89	-	-	390.368	94,04	-	-	238.656	70,53	-	-	238.575	82,91
	- Giá vốn cung cấp dịch vụ	551	0,10	-	-	10.604	2,55	-	-	5.196	1,54	-	-	5.196	1,81
2	Chi phí bán hàng	7.501	1,38	7.188	1,21%	8.563	2,06	8.563	1,81%	7.791	2,30	7.791	2,37	4.476	1,56
3	Chi phí quản lý	12.032	2,22	18.127	3,06%	19.550	4,71	21.877	4,63%	31.402	9,28	30.841	9,38	21.113	7,34
4	Chi phí tài chính	40.241	7,41	83.520	14,11%	36.390	8,77	32.096	6,79%	49.365	14,59	46.466	14,13	41.424	14,40
5	Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	-	0,00%	766	0,23	-	-	2.579	0,90
	Tổng cộng chi phí	542.946	100	591.880	100,00	415.129	100,00%	472.508	100,00%	338.372	100,00	328.950	100	287.744	100

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012, 2013, 2014, báo cáo tài chính sau Quyết toán thuế 06 tháng đầu năm 2015 và số liệu điều chỉnh báo cáo kết quả kinh doanh sau khi Quyết toán thuế năm 2012, 2013, 2014 do doanh nghiệp cung cấp)

*** Ghi chú: Trên đây là số liệu báo cáo kết quả kinh doanh mà Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội điều chỉnh lại sau khi đã Quyết toán thuế với cơ quan thuế, và cung cấp cho Nhà đầu tư tham khảo cùng với BCTC kiểm toán các năm 2012, 2013, 2014 và 06 tháng đầu năm 2015.**

Giá vốn hàng bán của Công ty trong các năm gần đây chiếm tỷ trọng khá cao so với doanh thu thuần và có nhiều sự biến động đáng kể. Các năm 2012, 2013 chỉ số giá vốn hàng bán cao do giá thành bông, sợi trên thế giới tăng đột biến làm gia tăng chi phí nguyên vật liệu đầu vào. Đến các năm 2014, và 6 tháng đầu năm 2015, doanh thu của công ty giảm mạnh kéo theo giá vốn hàng bán các năm này giảm tương ứng.

Tổng chi phí từ 2012 đến 6 tháng đầu năm 2015 đều giảm dần qua các năm do khó khăn chung của nền kinh tế dẫn đến sức cầu tiêu thụ sản phẩm yếu từ đó Công ty đã giảm năng lực sản xuất. Trong đó, chiếm tỷ trọng chủ yếu là chi phí giá vốn hàng bán.

Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp qua các năm có sự biến động không đáng kể và chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng chi phí.

Năm 2012, theo số liệu báo cáo kết quả kinh doanh sau Quyết toán thuế, chi phí tài chính của Công ty lên đến hơn 83 tỷ đồng, nguyên nhân là do trong năm tình hình hoạt động của công ty không tốt, các khoản đầu tư tài chính liên tục bị thua lỗ, Công ty phải sử dụng khoản Nợ vay lớn, lãi suất cao dẫn đến gánh nặng trả nợ lãi vay hàng năm của Công ty cao. Đến năm 2013, 2014 chi phí tài chính đã giảm bớt nhưng vẫn còn khá cao so với nguồn vốn hiện có. Lãi suất ngân hàng tăng mạnh, chi phí mua nguyên vật liệu lớn đặc biệt do giá thành nhập khẩu các nguyên liệu từ nước ngoài tăng cao làm tăng chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn hàng bán, doanh thu về xuất khẩu các mặt hàng ra nước ngoài bị sụt giảm nghiêm trọng, hàng hóa sản xuất ra không bán được cất giữ trong kho làm tổn động lượng vốn lớn và gia tăng chi phí bảo quản và quản lý hàng hóa .

Chi phí là yếu tố cơ bản cấu thành nên giá thành sản phẩm. Sự phân bổ chi phí có ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Chính vì vậy, việc kiểm soát tốt các yếu tố chi phí là nhân tố quan trọng tác động trực tiếp tới cơ cấu giá thành, doanh thu, lợi nhuận thu được. Do vậy, Công ty cũng nhận thức được tầm quan trọng trong việc quản lý tốt các yếu tố chi phí đầu vào đặc biệt là chi phí giá vốn sau khi cổ phần hóa để đảm bảo tăng trưởng ổn định.

Chi phí sản xuất của Công ty so với các Doanh nghiệp khác trong cùng ngành, cùng địa bàn là tương đối cao, điều đó làm giảm khả năng cạnh tranh của Công ty.

10.4. Trình độ công nghệ và năng lực sản xuất

Để phục vụ cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được liên tục và không bị ngắt quãng, Công ty đã tiến hành đầu tư máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, phương tiện vận tải phù hợp với nhu cầu của nhà máy và các bộ phận.

Hiện nay, thiết bị của các Nhà máy sản xuất không được đồng bộ, hầu hết máy móc đã được đưa vào sử dụng trong thời gian tương đối lâu, hầu hết là máy có trình độ công nghệ trung bình và đã xuống cấp, chỉ mới đáp ứng khoảng 50% nhiệm vụ sản xuất của Công ty. Các máy với công nghệ dệt đã lỗi thời nên rất khó đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao về chủng loại và mẫu mã

trên thị trường hiện nay.

Theo Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đánh giá tỷ lệ còn lại của phần lớn máy móc thiết bị khoảng 40% và rất cần phải được đầu tư nâng cấp để nâng cao năng lực sản xuất.

Hiện nay, thiết bị của Công ty không được đồng bộ, phần lớn máy móc, thiết bị được đưa vào sử dụng từ những năm 2005.

- Hệ thống nhà xưởng, cơ sở hạ tầng đảm bảo yêu cầu về môi trường và sản xuất công nghiệp.
- Trang thiết bị văn phòng, phương tiện vận tải...thường xuyên được bổ sung đáp ứng yêu cầu sản xuất và đáp ứng công nghệ thông tin tiến tiến trong sản xuất và giao dịch.

Mặc dù máy móc thiết bị thiếu đồng bộ những Công ty đã nỗ lực hết sức sản xuất ra sản phẩm sợi vải có chất lượng cao, đáp ứng đủ tiêu chuẩn cho sản phẩm xuất khẩu và tiêu thụ trong nước, khu vực. Tuy nhiên, điều này dẫn đến một hạn chế khá lớn là chi phí khấu hao cao làm giảm khả năng cạnh tranh về giá cho các sản phẩm của Công ty. Do vậy, để có thể phát triển mạnh mẽ và có lợi thế cạnh tranh so với các doanh nghiệp cùng ngành, Công ty cần phải bỏ ra một khoản chi phí lớn để đầu tư nâng cấp lại máy móc hiện đại cho phù hợp với tình hình chung của thị trường.

Bảng số 10: Tình hình máy móc, thiết bị tại thời điểm 30/6/2015

TT	Tên tài sản	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Số lượng	Đơn vị tính	Giá trị sổ kế toán		
						Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8	(9)=(7)-(8)
1	Máy kiểm tra vải tự dịch biên	Việt Nam	2005	1	Cái	70.750.000	62.158.490	8.591.510
2	Xe nâng hạ trục vải CH-300	Trung Quốc	2005	1	Cái	39.487.475	34.661.815	4.825.660
3	Xe nâng hạ trục sợi CH-107	Trung Quốc	2005	1	Cái	113.501.281	99.640.765	13.860.516
4	Giá khâu sợi	Trung Quốc	2005	3	Cái	187.563.125	148.019.477	39.543.648
5	Máy kiểm tra vải tự dịch biên	Việt Nam	2005	2	Cái	141.500.000	110.841.230	30.658.770
6	Máy dệt Picanol Gamax 4-R190	Bỉ	2005	16	Cái	15.307.539.250	12.209.038.678	3.098.500.572
7	Máy dệt Picanol Gamax 4-R300	Bỉ	2005	4	Cái	4.586.880.466	3.740.511.065	846.369.401
8	Máy hấp sợi Super cube "Nova" 18-18-27	Đức	2009	1	Cái	1.906.500.586	1.047.658.648	858.841.938

9	Máy nâng khung gỗ	Trung Quốc	2006	1	Cái	104.986.200	78.156.415	26.829.785
10	Máy kiểm vải MB 551 FB	Trung Quốc	2006	1	Cái	132.631.400	97.263.035	35.368.365
11	Máy dệt Picanol Gammax 4-R-300cm	Bỉ	2006	4	Cái	4.920.224.380	3.802.989.970	1.117.234.410
12	Máy nối sợi	Đức	2007	1	Cái	499.186.935	330.018.036	169.168.899
13	Hệ thống ĐHKK trung tâm và điều không xưởng dệt Hà Nam	Mỹ + Việt Nam	2007	1	HT	2.298.675.821	2.033.233.476	265.442.345
14	Hệ thống nồi hơi đốt than 3000kg/h	Việt Nam	2007	1	HT	542.857.143	352.857.164	189.999.979
15	Máy dệt Picanol Gamax 4-R190	Bỉ	2007	8	Cái	8.338.749.336	6.144.471.765	2.194.277.571
16	Máy hút bụi JYQJ-105 mô tơ 1.5kw	Trung Quốc	2007	12	Cái	405.319.902	372.990.824	32.329.078
17	Máy hút bụi trung tâm	Trung Quốc	2007	1	Cái	31.310.749	28.813.347	2.497.402
18	Máy mắc BEN-DIRECT-1000-1800	Thụy Sĩ	2007	1	Cái	4.313.305.168	2.979.685.542	1.333.619.626
19	Máy hồ BEN-SIZETEC SWA ZB16 TKD TKD CT4/4/4BB	Thụy Sĩ	2007	1	Cái	10.057.861.483	6.881.732.928	3.176.128.555
20	Máy nén khí AtlasCopco	Ý	2008	1	Bộ	423.240.703	334.057.857	89.182.846
21	Máy se FA721-100A	Trung Quốc	2008	2	Cái	654.952.280	396.610.016	258.342.264
22	Máy sợi con FA528	Trung Quốc	2008	22	Cái	13.322.544.538	7.887.786.702	5.434.757.836
23	Máy làm sạch trục nhung	Ấn Độ	2008	1	Cái	26.027.352	18.374.062	7.653.290
24	Máy thô FA 415A	Trung Quốc	2008	5	Cái	4.491.158.627	2.544.989.885	1.946.168.742
25	Máy ghép FA 306A	Trung	2008	2	Cái			

		Quốc				1.972.865.197	1.117.956.924	854.908.273
26	Hệ thống tái chế phế liệu SFU101	Trung Quốc	2008	1	HT	1.016.267.989	575.885.189	440.382.800
27	Máy sấy 8 giờ Y802N	Trung Quốc	2008	1	Cái	43.358.282	28.544.201	14.814.081
28	Máy đo chiều dài sợi YG086	Trung Quốc	2008	1	Cái	43.358.281	28.544.201	14.814.080
29	Máy đo chiều dài củi YG114	Trung Quốc	2008	1	Cái	43.358.281	28.544.201	14.814.080
30	Máy cân điện tử JA2003N	Trung Quốc	2008	1	Cái	43.358.281	28.544.201	14.814.080
31	Máy đo độ săn Y331A1	Trung Quốc	2008	1	Cái	43.358.281	28.544.201	14.814.080
32	Máy xử lý suất JF75	Trung Quốc	2008	1	Cái	61.689.331	40.612.162	21.077.169
33	Máy mài kim trục gai BM	Trung Quốc	2008	1	Cái	61.689.332	40.612.162	21.077.170
34	Máy ép kim mũi BGB	Trung Quốc	2008	1	Cái	61.689.332	40.612.162	21.077.170
35	Máy tổ kim DLA	Trung Quốc	2008	1	Cái	61.689.332	40.612.162	21.077.170
36	Máy chải TC03 Truetzchler	Đức	2008	2	Cái	5.054.010.281	3.063.939.147	1.990.071.134
37	Hệ thống điều không AESA	Việt Nam	2008	1	HT	8.093.611.256	4.986.379.691	3.107.231.565
38	Máy thí nghiệm Uster Tester UTRa/1500 N/DT	Thụy Sĩ	2008	1	Cái	2.637.977.018	1.736.668.218	901.308.800
39	Máy thí nghiệm Uster Tester5- S400-SA/CS/FM	Thụy Sĩ	2008	1	Cái	2.638.339.156	1.736.906.640	901.432.516
40	Thiết bị bộ kẹp băng vải 1500N (theo máy TN)	Thụy Sĩ	2008	1	Cái	87.326.143	57.489.722	29.836.421
41	Máy TN AFIS PRO2-NC-L&M	Thụy Sĩ	2008	1	Cái	2.547.012.506	1.676.783.216	870.229.290
42	Máy OE BD380	Cộng hòa Séc	2008	2	Cái	8.414.021.019	5.167.945.245	3.246.075.774

43	Máy đánh ống tự động AU338 YM800i	Đức	2008	2	Cái	8.200.117.627	5.043.884.312	3.156.233.315
44	Máy đánh ống tự động Au 338 YM900i	Đức	2008	1	Cái	4.244.584.485	2.603.364.546	1.641.219.939
45	Hệ thống thiết bị gian cung bông Truetzchler	Đức	2008	1	HT	10.041.306.177	6.088.173.487	3.953.132.690
46	Máy chải TC-03 Truetzchler	Đức	2008	4	Cái	9.608.517.756	5.842.926.727	3.765.591.029
47	Máy ghép TD-03 truetzchler	Đức	2008	4	Cái	4.409.438.502	2.697.731.798	1.711.706.704
48	Hệ thống máy lạnh	Mỹ	2008	1	HT	1.772.946.915	1.004.669.928	768.276.987
49	Máy đậu FA702	Trung Quốc	2009	1	Cái	424.660.000	244.179.477	180.480.523
50	Máy OE BD380	Trung Quốc	2009	1	Cái	3.819.582.889	2.164.430.276	1.655.152.613
51	Máy dệt kiểm mềm Optimax 4R-190	Bỉ	2009	5	Cái	6.782.986.826	3.674.117.850	3.108.868.976
52	Máy dệt kiểm mềm Optimax 4R-190	Bỉ	2009	7	Cái	9.500.333.007	5.146.013.730	4.354.319.277
53	Máy dệt kiểm mềm Optimax 4R-190	Bỉ	2009	4	Cái	5.859.089.125	3.173.673.295	2.685.415.830
54	Máy nén khí AtlasCopco	Ý	2009	1	Bộ	182.071.680	82.799.264	99.272.416
55	Máy kiểm vải tự định biên CKM01-08DB-02	Việt Nam	2010	1	Cái	98.000.000	42.466.669	55.533.331
56	Máy chải năng suất TC7 Truetzchler	Đức	2011	1	Cái	2.552.157.415	893.255.076	1.658.902.339
57	Máy lọc xơ ngoại lai SP FPU	Đức	2011	1	Cái	1.917.806.376	671.232.240	1.246.574.136
58	Máy đánh ống nối vê tự động X5	Đức	2011	1	Cái	4.936.337.540	1.727.718.132	3.208.619.408
59	Máy dệt OPTIMAX-2-P230	Bỉ	2012	2	Cái	3.803.838.688	1.299.644.896	2.504.193.792

60	Máy ống tự động Autoconer 338 Type RM	Đức	2007	1	Cái	3.580.596.165	2.387.064.093	1.193.532.072
61	Máy bọc màng co nhiệt	TQ	2015	1	cái	133.343.919	-	133.343.919
62	Máy đo độ đều sợi YG136	TQ	2015	1	cái	500.000.000	-	500.000.000
63	Trạm biến áp Hà Nam số 1	Việt Nam	2005	1	HT	889.481.044	169.001.352	720.479.692
64	Buồng hút hơi máy hồ, sàn nấu hồ, trục palăng	Việt Nam	2007	1	Bộ	170.000.000	52.700.031	117.299.969
65	Đường ống dẫn hơi cấp cho máy hồ	Việt Nam	2007	1	HT	137.142.857	137.142.857	-
66	Trạm biến áp Hà Nam 750 KVA 35/04KV (Sợi)	Việt Nam	2008	1	HT	950.768.953	417.281.950	533.487.003
67	Trạm biến áp Mai Động	Việt Nam	2004	1	HT	680.064.711	143.276.985	536.787.726
	Tổng cộng					191.036.906.155	117.868.433.808	73.168.472.347

(Nguồn: Phương án sản xuất kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội)

Bảng số 11: Tình hình phương tiện vận tải tại thời điểm 30/6/2015

TT	Tên tài sản	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Số lượng	Vị trí	ĐVT	Giá trị sổ sách		
							Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
1	2	3	5	6			7	8	(9)=(7)-(8)
1	Xe ô tô Nissan Grand Livina	Nhật Bản	2011	02	Thành phố	Cái	1.384.879.091	451.935.001	932.944.090
	Tổng cộng						1.384.879.091	451.935.001	932.944.090

(Nguồn: Phương án sản xuất kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội)

10.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Công ty Dệt 19/5 Hà Nội đã có hơn 50 năm phục vụ thị trường sợi và vải. Công tác nghiên cứu và cho ra các sản phẩm mẫu mã mới được công ty quan tâm thường xuyên liên tục. Mỗi năm công

ty đã chế thử ra rất nhiều mẫu mới (khoảng trên 30 sản phẩm mới mỗi năm) trong đó có nhiều sản phẩm được khách hàng đặt hàng với số lượng lớn. Công ty luôn cố gắng đi vào các mặt hàng mới độc quyền có độ khó cao, chất lượng cao phục vụ cho các khách hàng có yêu cầu khắt khe nhất;

Riêng mặt hàng sợi công ty luôn đặt chất lượng lên hàng đầu, thường xuyên cải tiến về công nghệ, MMTB để sản xuất ra các mặt hàng đạt tiêu chuẩn chất lượng xuất khẩu;

Trong tương lai, Công ty sẽ vẫn tập trung vào công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm để có thể tối ưu hóa được nguồn lực của Công ty. Đầu tư nâng cao tay nghề, chuyển giao công nghệ tiên tiến trong các công đoạn sản xuất, đảm bảo thực hiện sản xuất được các loại sản phẩm có tính kỹ thuật cao, chất lượng cao và phục vụ tốt nhất cho xuất khẩu.

Tuy nhiên, hiện nay, ngoài các sản phẩm độc quyền là các vải bạt nặng, việc cạnh tranh về giá, mẫu mã đối với các mặt hàng vải dân dụng, thông thường thực sự là một thách thức không nhỏ đối với Công ty nếu muốn đứng vững trên thị trường.

10.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Công ty rất chú trọng việc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hiện công ty có hệ thống kiểm tra chất lượng, hệ thống máy thí nghiệm tiên tiến nhất trên thế giới. Việc kiểm tra được thực hiện tại các khâu sản xuất cho từng mặt hàng cụ thể nhưng phải đảm bảo một số yêu cầu chủ yếu:

- Độ dày mỏng, tạp chất, độ mảnh, độ bền của sợi được kiểm tra nghiêm ngặt;
- Yêu cầu về vệ sinh: Các sản phẩm của Công ty phải đảm bảo an toàn, không gây nguy hiểm cho người sử dụng do những hóa chất giặt, tẩy ...;
- Yêu cầu về thẩm mỹ: các sản phẩm của Công ty phong phú về kiểu dáng, màu sắc ...;
- Yêu cầu về kinh tế: Giá thành sản phẩm có tính cạnh tranh trên thị trường.

Tuy nhiên, trong nhiều năm gần đây, bên cạnh các khó khăn về tài chính thì việc khắc phục tình trạng chất lượng sản phẩm kém (vải bị ngắn, đứt dọc; sợi bị lẫn xơ ngoại lai;...) cũng là một bài toán khó làm giảm khả năng cạnh tranh sản phẩm của Công ty.

10.7. Hoạt động Marketing

Hiện tại, việc quảng bá thương hiệu, xây dựng hình ảnh của Công ty đang được thực hiện tích cực. Tuy nhiên, Công ty không có hệ thống Website cũng là một bất cập trong việc quảng bá hình ảnh của công ty

Ngoài ra công ty cũng đang tích cực áp dụng các biện pháp hoạt động marketing truyền thống qua việc chăm sóc khách hàng, chịu trách nhiệm sản phẩm đến cuối cùng, mở hội nghị khách hàng hàng năm...;

Khi thực hiện chủ trương chuyển đổi hình thức hoạt động từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần, nhằm đẩy mạnh và phát triển khả năng hoạt động của Công ty trong tương lai, trong thời

gian tới và những năm tiếp theo Công ty sẽ không ngừng nỗ lực tiếp tục xây dựng quảng bá hình ảnh củng cố thương hiệu để có thể thu hút thêm nhiều khách hàng tiềm năng hơn nữa.

10.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Giấy chứng nhận đăng ký Nhãn hiệu hàng hóa số 67107 được Cục Sở hữu trí tuệ cấp gia hạn đến ngày 18/5/2024 theo Quyết định số 34160/QĐ-SHTT ngày 17/2/2014 cấp cho Nhãn hiệu “Hatexco” của Công ty TNHH Một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội.

Hiện nay, Công ty đang xây dựng và hoàn thiện cho phù hợp với tình hình.

10.9. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

Bảng số 12: Một số các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết của Công ty

TT	Tên hợp đồng	Tên đối tác	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Giá trị (đồng)
1	05/HĐMB/AP/D19-5/2014	Công ty TNHH Anh Phát	Mua sợi se	01/04/2014–15/08/2014	5.931.450.000
2	10215/HDMB-TM	Công ty Cổ phần Nhuộm Hà Nội	Bán vải	01/2/2015 – 30/6/2015	4.515.852.000
3	134/HĐMB-PB	Công ty Cổ Phần Sợi Phú Bài	Mua sợi	04/2015	1.942.500.000
4	02/HĐMB/2015	Công ty Cổ Phần Dệt May Thăng Long	Mua sợi se	02/04/2015–1/12/2015	27.332.187.500
5	280A/2015/HĐMB/HH-195	Công ty TNHH May Hoán Huế	Bán vải	05/2015	8.641.391.652
6	220/2015/HĐMB/	Công ty Cổ phần Dệt may Nam Việt	Bán quần áo	8/2015	32.424.079.600
7	120A/2015/D19-5/VP	Công ty Cổ Phần Dệt Vĩnh Phú	Mua sợi đơn	01/04/2015-31/01-2016	44.831.325.000
8	112/STL-DHN/2015	Công ty Cổ Phần Sợi Trà Lý	Mua bông	11/2014	3.837.600.000

(Nguồn: Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội)

11. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa

11.1. Tình hình tài chính 03 năm trước cổ phần hóa

Bảng số 13: Tình hình tài chính 03 năm trước cổ phần hóa

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	6 tháng đầu năm 2015
1	Tổng tài sản	900.672.869.189	1.000.277.011.601	994.582.073.478	1.131.360.970.484
	<i>Trong đó: Hàng tồn kho</i>	420.647.363.842	437.569.738.279	546.481.070.253	538.670.114.615
2	Vốn nhà nước theo sổ sách kế toán	82.849.752.746	84.133.360.565	51.874.321.717	325.393.360.312
3	Nợ vay ngắn hạn	751.558.243.451	754.915.097.479	730.825.509.447	637.780.308.688
	<i>Trong đó: Nợ quá hạn</i>	-	-	-	-
4	Nợ vay dài hạn	66.264.872.992	161.228.553.557	211.882.242.314	168.187.301.484
	<i>Trong đó nợ quá hạn</i>	-	-	-	-
5	Nợ phải thu khó đòi	-	-	-	-
6	Tổng số lao động	-	450	500	340
7	Tổng quỹ lương	-	1.800.000.000	2.100.000.000	1.530.000.000
8	Thu nhập bình quân 1 người/tháng	3.400.000	4.000.000	4.200.000	4.500.000

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013, 2014 và báo cáo tài chính sau Quyết toán thuế 06 tháng đầu năm 2015 của Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội)

Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 hoạt động trong lĩnh vực sản xuất với quy mô lớn nên sử dụng lượng tài sản lớn. Trong các năm gần đây, tình hình tài sản của công ty không có sự biến động đáng kể do công ty không có hoạt động lớn về đầu tư, nâng cấp tài sản.

Theo báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015, chỉ tiêu tài sản của công ty lên đến hơn 1.131 tỷ đồng, trong đó, tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn, xấp xỉ 80% và chủ yếu là hàng tồn kho và các khoản phải thu ngắn hạn. Do công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh nên phải dự trữ một lượng hàng tồn kho lớn để đảm bảo cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh được liên tục,

không bị gián đoạn. Nhưng cơ cấu hàng tồn kho của công ty phần lớn là thành phẩm, tổng giá trị thành phẩm tồn kho lên đến hơn 488 tỷ đồng, chứng tỏ công ty đang gặp khó khăn trong quá trình lưu thông hàng hóa đầu ra, hàng hóa thành phẩm sản xuất ra không bán được nhiều gây ứ đọng lớn. Điều đó phản ánh tình hình hoạt động của công ty không hiệu quả, mức độ tiêu thụ hàng hóa sản xuất chậm làm gia tăng nhiều chi phí, không tạo được lợi nhuận cho doanh nghiệp. Chỉ tiêu các khoản phải thu ngắn hạn là 347,7 tỷ đồng chiếm tỷ trọng khá lớn trong mục tài sản ngắn hạn của Công ty, thể hiện khả năng quản lý vốn của công ty chưa được tốt. Chính sách mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh bằng cách nói lỏng việc cho khách hàng nợ không thu tiền ngay dẫn đến tình trạng công ty bị chiếm dụng vốn, đồng thời, gia tăng các khoản nợ phải thu khó đòi. Nếu khách hàng không trả nợ sẽ gây thiệt hại lớn đến tài chính công ty.

Nguồn vốn sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh lên đến hơn 1.131 tỷ đồng nhưng tỷ lệ nguồn vốn tự có của công ty chỉ đạt 325 tỷ đồng, còn lại phần lớn công ty hoạt động bằng nguồn vốn đi vay.

Khoản mục **Nợ phải trả** của công ty rất cao, chiếm hơn 70% của tổng nguồn vốn. Tính đến ngày 30/06/2015, chỉ số Nợ phải trả của công ty lên đến hơn 805,9 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là nợ ngắn hạn với tổng giá trị là 637,8 tỷ đồng, khoản mục nợ dài hạn là 168,1 tỷ đồng. Công ty phần lớn đi vay ngắn hạn của các ngân hàng để phục vụ việc sản xuất kinh doanh, cụ thể, vay ngắn hạn ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam gần 130 tỷ đồng, vay ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam hơn 151 tỷ đồng, ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam 32,6 tỷ, ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam 40,33 tỷ và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam 40 tỷ đồng.... Việc sử dụng nợ có một ưu điểm, đó là chi phí lãi vay sẽ được trừ vào thuế thu nhập doanh nghiệp nhưng rủi ro về mặt thanh toán cao, công ty phải hoàn trả một khoản chi phí lãi vay vào cuối năm, áp lực trả nợ buộc doanh nghiệp phải có những bước đi đúng đắn trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh để tạo ra lợi nhuận và bỏ ra một khoản tiền lớn dành cho việc trả nợ đúng hạn cho các khoản vay ngắn hạn. Do đó, doanh nghiệp cần phải cân nhắc giữa rủi ro về tài chính và ưu điểm của vay nợ để đảm bảo một tỷ lệ hợp lý nhất.

Về khoản Nợ của Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội với Tổng công ty cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam (Vinaconex): Tại ngày 06/01/2015, Công ty đã ký Biên bản đối chiếu công nợ với Vinaconex trong đó xác nhận tính đến ngày 31/12/2014 Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội còn nợ Vinaconex số tiền gốc là **6.477.529.000 đồng** (Sáu tỷ, bốn trăm bảy mươi bảy triệu, năm trăm hai mươi chín ngàn đồng) và **3.000.000.000 đồng** (Ba tỷ đồng), tổng số tiền gốc mà Công ty phải trả Vinaconex là **9.477.529.000 đồng**. Khoản lãi vay Công ty chưa đồng ý cách tính toán và kết quả của Vinaconex đưa ra nên hai bên sẽ làm việc và thống nhất lại sau.

Trong 6 tháng đầu năm năm 2015, vốn góp của chủ sở hữu của Công ty tăng thêm 254.795.554.639 đồng do Ngân sách Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư cơ sở sản xuất mới khi thực hiện việc di dời cơ sở sản xuất kinh doanh tại 203 Nguyễn Huy Tưởng về Khu Công nghiệp Đồng Văn, Hà Nam, đưa chỉ tiêu nguồn vốn chủ sở hữu của công ty tăng lên 325.393.360.312 đồng, gấp 6,3 lần so với cuối năm 2014.

11.2. Kết quả kinh doanh của Công ty trong 03 năm gần đây

Bảng số 14: Một số chỉ tiêu tài chính năm 2012 - 2015

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012				Năm 2013				Năm 2014				6 tháng đầu năm 2015	
		Số liệu tại BCTC kiểm toán		Số liệu điều chỉnh lại sau Quyết toán thuế		Số liệu tại BCTC kiểm toán		Số liệu điều chỉnh lại sau Quyết toán thuế		Số liệu tại BCTC kiểm toán		Số liệu điều chỉnh lại sau Quyết toán thuế		Theo báo cáo tài chính sau quyết toán thuế	
		Giá trị	% 2011	Giá trị	% 2011	Giá trị	% 2012	Giá trị	% 2011	Giá trị	% 2013	Giá trị	% 2011	Giá trị	% 2014
I	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	532.335		532.335		446.071	83,80	455.071	85,49	335.107	75,12	335.107	73,64	236.217	70,49
	Các khoản giảm trừ doanh thu	-		-		-	-	-		-	-	-	-	-	-
1	Doanh thu về bán hàng hóa	515.068				426.674	82,84			319.557	74,89			-	-
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.267				21.397	123,92			15.549	72,67			-	-
II	Doanh thu hoạt động tài chính	2.280		1.963		2.070	90,79	2.107	107,34	1.260	60,87	1.260	59,80	85.831	6811,98
III	Thu nhập khác	9.214		9.117		18.083	196,26	18.082	198,33	1.703	9,42	1.703	9,42	4.958	291,13
IV	Tổng doanh thu	543.829		543.415		466.224	85,73	475.260	87,46	338.070	72,51	338.070	71,13	327.006	96,73
V	Tổng chi phí	542.946		591.880		415.129	76,46	472.508	79,83	338.372	81,51	329.716	69,78	287.744	85,04

VI	Lợi nhuận trước thuế TNDN	883		(48.465)		748	84,71	2.750	(5,67)	4.892	654,01	8.352	303.71	39.262	802,58
VII	Lợi nhuận sau thuế TNDN	869		(48.490)		713	82,05	2.711	-	4.846	679,66	8.256	304,54	39.235	809,64

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012, 2013, 2014, báo cáo tài chính sau quyết toán thuế 06 tháng đầu năm 2015 và số liệu điều chỉnh báo cáo kết quả kinh doanh sau khi Quyết toán thuế năm 2012, 2013, 2014 do doanh nghiệp cung cấp)

**** Ghi chú: Trên đây là số liệu báo cáo kết quả kinh doanh mà Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội điều chỉnh lại sau khi đã Quyết toán thuế với cơ quan thuế, và cung cấp cho Nhà đầu tư tham khảo cùng với BCTC kiểm toán các năm 2012, 2013, 2014 và 06 tháng đầu năm 2015.***

Qua các chỉ tiêu nêu trên có thể thấy, trong giai đoạn 2012-2014, doanh thu bán hàng hóa giảm sút do lượng hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài giảm,. Đến năm 2015, thị trường xuất khẩu sợi khởi sắc tạo cơ hội cho tổng doanh thu tăng, trong đó đặc biệt tăng là doanh thu xuất khẩu sợi. Từ đầu năm 2015, doanh thu xuất khẩu khăn có giảm do cổ phần hóa Nhà máy Dệt Minh Khai thành Công ty Cổ phần Dệt Minh Khai nên giảm chỉ tiêu của nhà máy này.

Do tình hình hoạt động kinh doanh của công ty gặp khó khăn nên công ty đã có những chính sách cắt giảm lao động, cơ cấu lại bộ máy hoạt động, giảm từ 500 người xuống 340 người từ năm 2014 đến 6 tháng đầu 2015. .

Thu nhập bình quân của người lao động tăng đều qua các năm, đặc biệt là năm 2015 do yếu tố đầu ra ổn định, nguồn vốn kinh doanh đảm bảo từ việc di dời thành công cơ sở sản xuất tại 203 Nguyễn Huy Tường, tuy nhiên mức thu nhập như hiện nay của Công ty vẫn thấp hơn so với các doanh nghiệp cùng ngành.

Lợi nhuận trước thuế năm 2012 sau khi xác định lại theo Quyết toán thuế âm hơn 48,456 tỷ đồng, sau khi nộp thuế thu nhập hiện hành thì lợi nhuận sau thuế là âm 48.490 triệu đồng. Tình hình hoạt động của công ty thua lỗ nghiêm trọng do rất nhiều yếu tố bất lợi tác động vào cùng một thời điểm, đặc biệt là việc nhận sáp nhập Công ty Dệt Minh Khai đang bị thua lỗ trầm trọng nên phải tập trung khôi phục sản xuất, giải quyết chế độ cho người lao động tại doanh nghiệp này lên đến hàng trăm tỷ đồng. Bên cạnh đó, trong thời gian này, thị trường xuất khẩu giảm sút nghiêm trọng, chi phí đầu vào, cơ bản là giá bông nguyên liệu tăng đột biến đã khiến doanh nghiệp lâm vào tình trạng sản xuất kinh doanh đình đốn, thu nhập giảm sút mạnh. Một yếu tố nữa không kém phần quan trọng khiến lợi nhuận trước thuế của năm 2012 sụt giảm mạnh là việc đầu tư cơ sở mới tại Hà Nam lên đến hàng trăm tỷ đồng bằng nguồn vốn vay ngân hàng với lãi suất cao (có rất nhiều thời điểm lên đến hơn 20%) trong khi nguồn vốn di dời từ cơ sở sản xuất cũ tại 203 Nguyễn Huy Tường chưa về kịp khiến doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc sản xuất kinh doanh trong rất nhiều năm.

11.3. Chỉ tiêu tài chính của Công ty trong 03 năm gần đây

Bảng số 15: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2012-2015

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	6 tháng đầu năm 2015
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	0.87	1.03	1.03	1.43
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	Lần	0.31	0.45	0.28	0.59
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,91	0,92	0,95	0,71
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	9,87	10,89	18,17	2,47
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	Vòng	1.15	0.92	0.45	0.40
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	%	68.12%	46.93%	33.60%	22.22%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012, 2013, 2014, báo cáo tài chính sau quyết toán thuế 06 tháng đầu năm 2015 Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội)

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		6 tháng đầu năm 2015
		Số liệu tại BCTC kiểm toán	Số liệu điều chỉnh lại sau Quyết toán thuế	Số liệu tại BCTC kiểm toán	Số liệu điều chỉnh lại sau Quyết toán thuế	Số liệu tại BCTC kiểm toán	Số liệu điều chỉnh lại sau Quyết toán thuế	
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời								
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0.16%	(9,1%)	0.16%	0,6%	1.45%	2,46%	16.61%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	1.05%	-	0.85%	-	7.13%	-	20.80%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0.11%	-	0.08%	-	0.49%	-	3.69%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	(1.57%)	(10,02)	(3.89%)	(3,37%)	1.18%	2,21%	15.61%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012, 2013, 2014, báo cáo tài chính sau quyết toán thuế 06 tháng đầu năm 2015 và số liệu điều chỉnh báo cáo kết quả kinh doanh sau khi Quyết toán thuế năm 2012, 2013, 2014 do doanh nghiệp cung cấp)

Nhận xét:

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty trong các năm gần đây đều khá cao, hầu như đều lớn hơn 1 cho thấy doanh nghiệp đang sử dụng lượng tài sản ngắn hạn nhiều hơn nguồn vốn ngắn hạn. Khả năng thanh toán ngắn hạn của công ty lớn thực chất là do: các khoản phải thu ngắn hạn lớn, hàng tồn kho lớn (nguyên vật liệu dự trữ quá nhiều không dùng hết và hàng hóa, thành phẩm tồn kho không bán được, không đối lưu được). Tài sản lưu động tồn trữ lớn, phản ánh việc sử dụng tài sản của Dệt 19/5 Hà Nội không hiệu quả, vì bộ phận này không vận động không sinh lời... Và khi đó khả năng thanh toán của doanh nghiệp thực tế sẽ là không cao nếu không muốn nói là không có khả năng thanh toán, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đang ngừng trệ và gặp khó khăn lớn trong quá trình luân chuyển sản phẩm đầu ra do công ty sản xuất.

Chỉ tiêu khả năng thanh toán nhanh phản ánh khả năng doanh nghiệp dùng tiền hoặc tài sản có

thể chuyển đổi nhanh thành tiền để trả nợ ngay khi đến hạn và quá hạn. Việc có lượng hàng tồn kho lớn nên mặc dù hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn của công ty khá cao nhưng chỉ tiêu về khả năng thanh toán nhanh lại thấp. Chỉ tiêu khả năng thanh toán nhanh của công ty không có nhiều biến động lớn trong các năm gần đây.

Về chỉ tiêu cơ cấu vốn, hệ số nợ trên tổng tài sản và Nợ trên tổng nguồn vốn của Công ty trong các năm gần đây khá cao so với các doanh nghiệp cùng ngành. Trong các năm từ 2012 đến 2014, các khoản nợ bên ngoài luôn chiếm hơn 90% trên tổng tài sản, và chỉ số Nợ trên nguồn vốn chủ sở hữu cao gấp khoảng 10 lần, đặc biệt năm 2014, chỉ tiêu này còn tăng lên hơn 18 lần. Các chỉ số này thể hiện rõ sự bất hợp lý trong việc cân đối sử dụng nguồn Nợ vay bên ngoài và Nguồn vốn tự có của doanh nghiệp. Việc công ty sử dụng Nợ lớn hơn rất nhiều lần so với nguồn vốn tự có cho hoạt động sản xuất kinh doanh dẫn đến rủi ro về mặt tài chính, và hàng năm công ty phải gánh một khoản chi phí lãi vay rất lớn làm sụt giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Đến 6 tháng đầu năm 2015, chỉ tiêu này giảm đáng kể. Khoản Nợ so với tổng tài sản giảm từ 0,94 lần xuống 0,71 lần, Nợ trên vốn chủ sở hữu giảm từ 18,17 lần xuống 2,47 lần. Việc hai chỉ tiêu này giảm xuống đột ngột trong 6 tháng đầu năm 2015 không chỉ do tình hình hoạt động của công ty dần hiệu quả hơn, mà nguyên nhân chính là do nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng thêm hơn 250 tỷ đồng làm tổng nguồn vốn chủ sở hữu 6 tháng năm 2015 tăng gấp 3 lần so với các năm trước, dẫn đến cơ cấu Nợ trong tổng nguồn vốn giảm xuống đáng kể.

Tình hình hoạt động sản xuất của doanh nghiệp không tốt phản ánh rõ rệt hơn ở chỉ tiêu về năng lực hoạt động. Vòng quay hàng tồn kho phản ánh lượng hàng hóa đầu ra được quay vòng nhanh hay chậm. Năm 2014 và 6 tháng đầu năm 2015, chỉ tiêu này giảm xuống 0,4 lần, chỉ số này thấp hơn rất nhiều so với các doanh nghiệp cùng ngành do lượng hàng tồn kho, đặc biệt là tồn kho thành phẩm ở các năm gần đây tăng dần lên. Tổng tài sản sử dụng của Công ty tương đối lớn nhưng doanh thu thuần hàng năm không cao dẫn đến chỉ số doanh thu thuần trên tổng tài sản thấp, và giảm dần từ năm 2012 đến nay.

Các chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời của Công ty tăng dần qua các năm. Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (ROS) của công ty cho biết được một đồng doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ sẽ mang lại bao nhiêu đồng lợi nhuận, nếu tỷ suất này càng cao thì chứng tỏ doanh nghiệp hoạt động rất hiệu quả. Sau quyết toán Thuế, ROS năm 2012 là âm 9,1%, chứng tỏ hoạt động kinh doanh của công ty thua lỗ nghiêm trọng, đến năm 2013, 2014 và 06 tháng đầu năm 2015 lợi nhuận sau thuế tăng dần nên chỉ số ROS tăng lên tương ứng, nhưng vẫn thấp so với các doanh nghiệp trong cùng ngành. Chỉ số lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần được đánh giá lại sau Quyết toán thuế cũng giảm mạnh, năm 2012 chỉ số này là âm 10,02%, năm 2013 là âm 3,89%. Năm 2013 hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty vẫn thua lỗ thể hiện ở chỉ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh âm hơn 15 tỷ đồng, tuy nhiên công ty có khoản thu nhập khác hơn 18 tỷ đồng làm chỉ số lợi nhuận sau thuế của công ty tăng lên 2,7 tỷ đồng. Các năm 2014, và 06 tháng năm 2015, hoạt động kinh doanh của công ty bắt đầu có lãi. Lãi suất ngân hàng từ năm 2012 đến nay giảm từ 22% đến còn 14% đối với các khoản ngắn và trung hạn. Chỉ số ROE năm 2012, 2013 chỉ xấp xỉ 1%, đến năm 2014 tăng lên hơn 7%. Khi so sánh với lãi suất cho vay của ngân hàng thì lợi nhuận hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp các năm gần đây không đủ để trả lãi suất ngân hàng. Đến năm 2015, tình hình doanh nghiệp đã ổn định hơn phản ánh ở chỉ số này đã tăng lên 20,8%. Nguyên nhân là do trong các năm 2012, 2013 công ty chịu ảnh

hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, giá nguyên vật liệu đầu vào tăng đột biến làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của công ty. Ngoài ra, trong năm 2012 công ty đầu tư cơ sở mới tại Hà Nam phải trả chi phí lãi vay ngân hàng cao cũng làm giảm sút nghiêm trọng lợi nhuận sau thuế của công ty. Sang năm 2014, 2015 tình hình hoạt động kinh doanh của công ty đã bớt khó khăn nhưng vẫn còn nhiều thách thức.

11.4. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm trước cổ phần hóa

• Thuận lợi

- Sự năng động và đoàn kết nhất trí cao của tập thể Ban lãnh đạo doanh nghiệp trong việc định hướng và tổ chức thực hiện sản xuất kinh doanh.
- Ban Giám đốc Công ty và bộ phận quản lý, nhà máy năng động, đoàn kết nhất trí cao trong việc định hướng và tổ chức thực hiện sản xuất kinh doanh.
- Kinh nghiệm và trình độ kỹ thuật cao của nhà máy góp phần không nhỏ trong việc khẳng định vị thế sản phẩm của nhà máy, từ đó hỗ trợ tích cực cho việc phát triển thị trường và nâng cao năng lực sản xuất của Công ty.
- Công ty bảo đảm việc làm cũng như thu nhập ổn định cùng với việc đảm bảo các chế độ cho người lao động đã có tác dụng tích cực đối với sự phát triển bền vững của Công ty.
- Việc duy trì hệ thống quản lý gọn nhẹ, khoa học và hiệu quả cùng với các quy định, chế độ thưởng phạt nghiêm minh, đúng lúc, đúng chỗ thúc đẩy CB- CNV nỗ lực thực hiện nhiệm vụ, gắn bó với công việc.
- Hoạt động thường xuyên, liên tục của tổ chức Đảng, Công đoàn Công ty đã gắn kết các hoạt động sản xuất kinh doanh với quyền lợi người lao động, góp phần nâng cao tinh thần đoàn kết, trách nhiệm của tập thể CBCNV Công ty tạo hiệu quả trong công việc.

• Khó khăn

- Sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt trong lĩnh vực dệt, may, da giày khiến chi phí tăng cao, thị trường giảm sút, mất dần tính độc quyền về sản phẩm dẫn đến lợi nhuận trên một đơn vị sản phẩm ngày càng giảm.
- Năng suất sản xuất hàng hóa giảm theo thời gian sử dụng thiết bị, đòi hỏi phải đổi mới sản phẩm, đổi mới thiết bị và công nghệ dẫn đến việc cần phải đầu tư lớn trong khi nền kinh tế thế giới nói chung và trong nước nói riêng mới vừa thoát khỏi giai đoạn khủng hoảng.
- Giá vật tư, nguyên, nhiên vật liệu tăng cao trong khi giá bán sản phẩm khó tăng làm giảm sức cạnh tranh của sản phẩm ảnh hưởng tới hiệu quả sản xuất, kinh doanh của Công ty.
- Thị trường luôn biến động với sự cạnh tranh cao khiến sản phẩm của Công ty không ngừng phải đổi mới, hạ giá thành sản phẩm trong khi chi phí ngày càng tăng làm thu hẹp thị trường tiêu thụ và giảm doanh thu của Công ty.
- Lực lượng lao động ở nhà máy tại Hà Nam đa số còn trẻ, thiếu kinh nghiệm khiến năng suất lao động chưa cao và lao động biến động thường xuyên phát sinh nhu cầu thay thế là tất yếu trong thời gian tới.

- Vị trí sản xuất của nhà máy tại Hà Nội đặt tại vị trí không thuận lợi cho sản xuất công nghiệp đặt ra yêu cầu cần phải có kế hoạch tích lũy tài chính và đầu tư rất lớn khi di dời cơ sở sản xuất cho phù hợp quy hoạch.

12. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành

12.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty TNHH Một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội có bề dày kinh nghiệm gần 55 năm trong sản xuất và kinh doanh vải, sợi, v.v và có thương hiệu uy tín trên thị trường nội địa và xuất khẩu.

Thị trường kinh doanh chủ yếu là xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, Hàn Quốc, Thái Lan, Nhật Bản chiếm khoảng 30% doanh thu, phần còn lại tiêu thụ tại thị trường nội địa phục vụ các nhà máy sản xuất giày vải xuất khẩu; sản xuất chăn, ga, gối, đệm; sản xuất vải phục vụ quốc phòng và phục vụ dân sinh.

Hiện tại, Công ty có 03 nhà máy sản xuất chính, 06 phòng chức năng phục vụ trực tiếp sản xuất của nhà máy.

Là 1 đơn vị của ngành công nghiệp dệt may, bên cạnh rất nhiều Doanh nghiệp lớn cùng sản xuất các mặt hàng sợi vải như: Công Ty Haproximex, Công ty Dệt Hà Nam, Công Ty Cổ Phần Dệt Gia Dung Phong Phú, Ngoài ra Công ty còn chịu sự cạnh tranh rất lớn của các làng nghề sản xuất khăn lâu năm như: Làng nghề La Cỏ (Hoài Đức), Làng Mẹo (Thái Bình); Làng nghề Phùng Xá (Mỹ Đức).... với giá thành rẻ, mẫu mã đa dạng, chất lượng tốt, các sản phẩm xuất cả sang các thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc. Vì vậy, Nhà máy hiện gặp rất nhiều khó khăn trong việc cạnh tranh thị trường để đẩy mạnh bán hàng mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh. Thị trường chính của Công ty:

- Xuất khẩu: Các nước Châu á
- Nội địa: Tiêu thụ tại các nhà máy dệt. may trên thị trường trong cả nước.

12.2. Triển vọng phát triển ngành

Ngành dệt may Việt Nam sau hơn 20 năm liên tục phát triển với tỷ lệ tăng trưởng bình quân 15%/năm, đến nay đã vươn lên trở thành ngành kinh tế lớn của cả nước, và Việt Nam là nước xuất khẩu dệt may lớn thứ 5 trên thế giới, góp phần tích cực trong công cuộc hội nhập kinh tế quốc tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy quá trình đô thị hóa và tạo công ăn việc làm cho người lao động. Việt Nam hiện có hơn 4.000 doanh nghiệp dệt may trên cả nước, doanh thu toàn ngành năm 2012 đạt 20 tỷ USD, trong đó xuất khẩu chiếm hơn 17 tỷ USD, tạo việc làm cho 2,5 triệu lao động, đóng góp khoảng 10% vào tổng sản phẩm nội địa (GDP).

Việt Nam vừa hoàn tất đàm phán thành công hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) ngày 05/10/2015 mở ra cơ hội rất lớn hội nhập toàn cầu và tác động mạnh mẽ đến các mặt hàng xuất nhập khẩu trong nước như dệt may, da giày, túi xách, đồ gỗ và các mặt hàng nông sản.

Việt Nam tham gia TPP là nước kém phát triển nhất, cơ cấu kinh tế của Việt Nam khác các nước khác, trình độ cũng khác nên nền kinh tế Việt Nam và nền kinh tế các nước khi tham gia TPP sẽ bổ sung cho nhau, ít cạnh tranh nhau. Đây là khác biệt lớn khi Việt Nam tham gia ASEAN cũng như khi tham gia Hiệp định hợp tác kinh tế khu vực toàn diện (RCEP) do Trung Quốc hiện nay đang thúc đẩy.

Cơ hội

Khi tham gia TPP, Việt Nam sẽ được mở rộng thị trường xuất khẩu. Đặc biệt Hoa Kỳ và Nhật Bản là những thị trường lớn và tiềm năng cho việc khuất khẩu sản phẩm dệt may trong nước. Hiệp định TPP không chỉ tăng cơ hội cho ngành dệt may Việt Nam tiếp cận ưu đãi vào thị trường Mỹ, mà còn nâng cao giá trị gia tăng trong chuỗi cung ứng.

Đối với ngành dệt may tại Việt Nam, chỉ tính nửa đầu năm 2015, xuất khẩu dệt may sang thị trường các nước tham gia Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) đã chiếm gần 70% trong tổng giá trị xuất khẩu toàn ngành, vì vậy việc ký kết thành công TPP sẽ mở ra cơ hội lớn vì Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn. Khi hiệp định này có hiệu lực, các sản phẩm dệt may Việt Nam xuất khẩu vào thị trường này sẽ giảm thuế từ 16%-17% xuống 0% đồng nghĩa với việc thị phần đối với thị trường nước ngoài của ngành này còn tăng gấp đôi. TPP được xem là cơ hội thứ ba của ngành dệt may Việt Nam, những doanh nghiệp năng động, biết nắm bắt và tận dụng tốt cơ hội thì TPP sẽ tạo ra cú huých lớn và mang đến động lực quan trọng cho sự phát triển của dệt may Việt Nam, góp phần đưa dệt may Việt Nam lên tầm cao hơn trong tương lai gần.

Khó khăn

Tiềm năng lớn là vậy, tuy nhiên, điều các doanh nghiệp dệt may, xưởng may gia công đang lo lắng, để hưởng được thuế ưu đãi khi xuất khẩu vào thị trường các nước tham gia hiệp định TPP, các sản phẩm dệt may của Việt Nam phải có tỷ lệ nhất định từ nguyên liệu sợi, nhuộm của Việt Nam hoặc các từ các nước tham gia hiệp định.

TPP có những yêu cầu rất chặt chẽ về nguồn gốc xuất xứ sản phẩm – điều mà các nhà xuất khẩu dệt may Việt Nam vẫn chưa dành sự quan tâm thích đáng. TPP đưa ra các quy định để bảo vệ các nhà sản xuất dệt may của Mỹ bằng cách áp thêm quy định về nguồn gốc.

Trong khi đó, Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, chiếm khoảng 50%. Đây là thị trường mà hầu hết các nước xuất khẩu đều luôn mong muốn thâm nhập. Khó khăn lớn nhất của ngành may VN vẫn là xuất xứ. Các công ty về Dệt may tại Việt Nam hiện nay không có điều kiện để đầu tư làm dệt, nhuộm và lâu nay vẫn mua 50% nguyên phụ liệu từ các doanh nghiệp FDI trong nước, 50% còn lại nhập khẩu từ nước ngoài, trong đó chủ yếu là từ Trung Quốc, quốc gia không tham gia TPP. Mà theo quy định của TPP, muốn xuất khẩu không thuế vào khu vực này, phải sử dụng nguyên phụ liệu của các thành viên TPP”.

Khi tham gia TPP, Việt Nam bắt buộc phải chủ động nguồn nguyên liệu đầu vào ở trong nước để tăng giá trị gia tăng. Về mặt kỹ thuật, các nhà sản xuất dệt may Việt Nam cũng không thể nhập nguyên liệu từ Trung Quốc mãi nếu muốn hưởng lợi từ mức thuế ưu đãi theo quy định của TPP.

12.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước

Để đáp ứng yêu cầu phát triển của Thành phố trong thời gian tới, Công ty đã xây dựng kế hoạch phương án hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể như kế hoạch nâng cấp công suất nhà máy, đầu tư thêm hệ thống máy móc trang thiết bị, đầu tư cải cách bộ máy quản lý cho phù hợp với mô hình hoạt động mới; đầu tư cải mạnh mẽ vào nguồn nhân lực chất lượng cao để gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, đáp ứng được nhu cầu mở rộng thị trường sang các nước lớn.

Định hướng phát triển của Công ty phù hợp với quy hoạch phát triển chung của Thành phố cũng như triển vọng phát triển ngành trong thời gian tới.

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG SAU KHI CỔ PHẦN HÓA

1. Mục tiêu cổ phần hóa

Mục tiêu, yêu cầu của việc chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần của Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội tuân theo chủ trương của Chính phủ nhằm các mục tiêu:

- Chuyển hình thức sở hữu 100% vốn Nhà nước thành hình thức đa sở hữu, tại sự thay đổi căn bản về phương thức quản lý, từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển quy mô, tăng cường năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty trong thời điểm hiện tại và tương lai;
- Huy động vốn nhân rồi của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp, của cá nhân và tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài để đầu tư phát triển, mở rộng phạm vi hoạt động trong nhiều lĩnh vực kinh doanh nhằm tăng doanh thu, tăng lợi nhuận và phát triển ổn định trong tương lai;
- Nâng cao vai trò làm chủ thực sự, gắn chặt trách nhiệm, công việc và đảm bảo hài hòa quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy trong công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập người lao động, của cổ đông và góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước;
- Đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động trong doanh nghiệp;
- Thực hiện công khai, minh bạch theo nguyên tắc thị trường, khắc phục tình trạng cổ phần hóa khép kín trong nội bộ doanh nghiệp, gắn với phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán.

2. Điều kiện cổ phần hóa

- Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội luôn nhận được sự hỗ trợ, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của UBND Thành phố Hà Nội và các cơ quan Ban ngành của Thành phố Hà Nội. Đây là điều kiện thuận lợi giúp Công ty xúc tiến nhanh hơn việc tổ chức thực hiện thành công quá trình cổ phần hoá.
- Cơ cấu tổ chức hiện tại của Công ty được sắp xếp tinh gọn, phù hợp với quy mô hoạt động kinh doanh hiện tại, thuận lợi cho công tác quản lý và tổ chức trong giai đoạn đầu hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần.
- Ban Tổng giám đốc Công ty đã có sự chuẩn bị tích cực về mặt tư tưởng, tổ chức để quá trình cổ phần hoá diễn ra thuận lợi và thành công, đồng thời công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Nhà nước về cổ phần hoá cho người lao động cũng được thực hiện nghiêm túc, triệt để.
- Tập thể người lao động của Công ty từ Ban lãnh đạo đến nhân viên đều thể hiện quyết tâm cao trong việc cổ phần hoá, sẵn sàng tham gia góp vốn mua cổ phần, tiếp tục gắn bó lâu dài với Công ty sau giai đoạn cổ phần hóa.

3. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ tình hình thực tế của Công ty tại thời điểm cổ phần hóa và quy định tại Khoản 2 Điều 4 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần, hình thức cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội là ***“vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ”***.

4. Thông tin cơ bản về doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa

- Tên tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT 19/5 HÀ NỘI
- Tên tiếng Anh : HANOI MAY 19TH TEXTILE JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : HATEXCO.,JSC
- Trụ sở chính : Số 203 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
- Tài khoản giao dịch : Số 102 01 0000 238 586
- Tại ngân hàng : Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sông Nhuệ
- Điện thoại : 04 3 858 4551 Fax: 04 3 8585392
- Vốn điều lệ : 267.400.000.000 đồng.

(Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi bảy tỷ bốn trăm triệu đồng chẵn)

Ngành nghề kinh doanh

Sau khi chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, Công ty Cổ phần Dệt 19/5 Hà Nội dự kiến kinh doanh các ngành nghề cụ thể như sau:

Bảng số 16: Ngành nghề kinh doanh của công ty cổ phần

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất sợi;	1311
2	Sản xuất vải dệt thoi;	1312
3	Hoàn thiện sản phẩm dệt;	1313
4	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác; - Sản xuất và gia công các sản phẩm vải len như: + Vải nhung và vải bông; + Lưới và đồ trang trí cửa sổ, vải đan trên máy Raschel và các máy tương tự ;	1321

TT	Tên ngành	Mã ngành
	+ Các loại vải bằng đan móc khác. - Sản xuất sản phẩm giả da lông thú từ việc may đan.	
5	Sản xuất, gia công hàng may sẵn;	1322
6	Sản xuất thảm, chăn, đệm;	1323
7	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu; - Sản xuất các sản phẩm tấm dệt khổ hẹp, bao gồm các tấm dệt sợi ngang không có sợi dọc được ghép với nhau thông qua chất kết dính; - Sản xuất đồ tía trang trí: vải viền, quả tua, - Sản xuất nỉ; - Sản xuất màn tuyn và các màn bằng vải khác, sản xuất viền đăng ten cuộn, đăng ten mảnh, dải hoặc mẫu ten rời để trang trí; - Sản xuất các loại vải được tráng hoặc xử lý khác nhau như: quần áo đi săn, vải buồm, lều bạt, vải dùng cho họa sĩ, vải thô và các loại vải hồ cứng... - Sản xuất vải quần áo dễ co giãn;	1329
8	May trang phục;	1410
9	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc;	1430
10	Sản xuất giày dép;	1520
11	Sản xuất sợi nhân tạo;	2030
12	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;	4641
13	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ vải trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;	4751
14	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn hóa chất (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp).	4669

TT	Tên ngành	Mã ngành
15	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng gia và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;	4771
16	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;	4659
17	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da;	9523
18	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú;	9620
19	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;	6810
20	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;	4651
21	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
22	Xây dựng nhà các loại;	4100
23	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;	4210
24	Xây dựng công trình công ích;	4220
25	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; - Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: + Các nhà máy lọc dầu; + Các xưởng hóa chất; - Xây dựng công trình cửa như: + Đường thủy, bến cảng và các công trình trên không, các cảng du lịch, cửa cống; + Đập và đê; - Xây dựng đường hầm;	4290
26	Phá dỡ;	4311
27	Chuẩn bị mặt bằng;	4312
28	Lắp đặt hệ thống điện;	4321

TT	Tên ngành	Mã ngành
29	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng và điều hòa không khí;	3530
30	Sửa chữa máy móc, thiết bị;	3312
31	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;	3313
32	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;	3320
33	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;	4322
34	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: + Thang máy, cầu thang tự động; + Các loại cửa tự động; + Hệ thống đèn chiếu sáng; + Hệ thống hút bụi; + Hệ thống âm thanh; + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí;	4329
35	Hoàn thiện công trình xây dựng;	4330
36	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài tòa nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển;	4390
37	Cho thuê xe có động cơ;	7710
38	Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: - Cho thuê máy móc thiết bị xây dựng;	7730

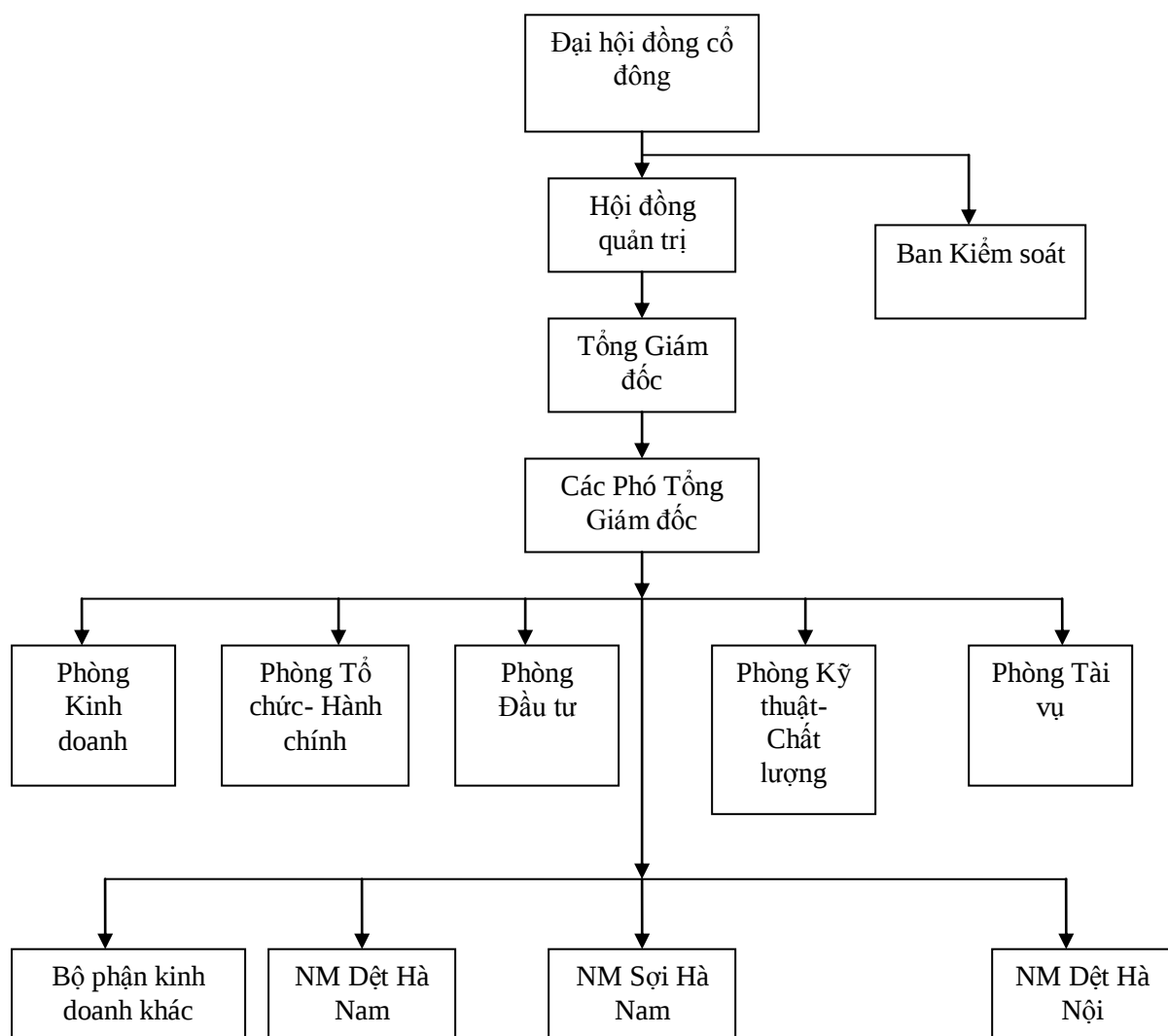
TT	Tên ngành	Mã ngành
	- Cho thuê máy móc thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính);	
39	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính (trừ bản quyền, như sách hoặc phần mềm);	7740
40	Đại lý, môi giới; đấu giá;	4610
41	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);	4931
42	Vận tải hành khách đường bộ khác; - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;	4932
43	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;	4933
44	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;	5210
45	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
46	Bốc xếp hàng hóa;	5224
47	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;	5229
48	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;	7810
49	Cung ứng và quản lý nguồn lao động: - Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước.	7830
50	Giáo dục nghề nghiệp;	8532
51	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: - Khách sạn; - Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;	5510
52	Cơ sở lưu trú khác; - Ký túc xá học sinh, sinh viên; - Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dưng để nghỉ tạm;	5590

TT	Tên ngành	Mã ngành
53	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;	5610
54	Cung cấp dịch vụ phục vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...)	5621
55	Dịch vụ ăn uống khác; - Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể;	5629
56	Dịch vụ phục vụ đồ uống;	5630
57	Vệ sinh chung nhà cửa;	8121
58	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác; - Vệ sinh bên ngoài cho tất cả các công trình, bao gồm các văn phòng, nhà máy, cửa hàng, cơ quan và các khu nhà đa mục tiêu khác; - Dịch vụ vệ sinh chuyên nghiệp cho khu nhà như làm sạch cửa sổ, làm sạch ống khói hoặc vệ sinh lò sưởi, lò thiêu, nồi đất, ống thông gió, các bộ phận của ống	8129
59	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
60	Đại lý du lịch;	7911
61	Điều hành tua du lịch;	7912
62	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch.	7920
63	Hoạt động của các cơ sở thể thao;	9311
64	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;	9312
65	Hoạt động thể thao khác; - Hoạt động của các khu săn bắt và câu cá thể thao; - Hoạt động hỗ trợ cho câu cá và săn bắn mang tính thể thao hoặc giải trí;	9319
66	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề;	9321
67	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;	9329

TT	Tên ngành	Mã ngành
	- Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khóa, ghế tựa... - Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền; - Hoạt động hội trợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên.	

5. Cơ cấu tổ chức và sử dụng lao động của công ty cổ phần

5.1. Mô hình tổ chức của Công ty cổ phần:



* 01 Công ty liên doanh: Công ty Liên doanh 20 Tháng Một

(Nguồn: Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội)

5.2. Các phòng ban và nhiệm vụ của các phòng ban chuyên môn:

5.2.1. Phòng Tài vụ:

- Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc về mặt quản lý tài chính, hạch toán kế toán trong toàn Công ty;
- Tổ chức và triển khai các quy định của Nhà nước về kế toán thống kê, quản lý các đối tượng tài chính theo đúng quy định của pháp luật và Quy chế tài chính của Công ty;
- Tổ chức hạch toán nội bộ và phân tích hoạt động kinh tế hàng năm của Công ty;
- Tổ chức lưu trữ toàn bộ chứng từ, sổ sách và biểu kế toán theo quy định hiện hành;
- Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp sử dụng nguồn tiền, vốn một cách hiệu quả để tư vấn cho ban giám đốc.

5.2.2. Phòng Tổ chức- Hành chính:

- Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc triển khai công tác quản lý tiền lương, thu nhập, công tác phát triển nguồn nhân lực, công tác tổ chức cán bộ trong toàn Công ty;
- Tổ chức xây dựng định mức lao động, đơn giá tiền lương; lập và quản lý hồ sơ lao động, hợp đồng lao động của toàn thể CB - CNV trong Công ty;
- Tuyển dụng lao động có chất lượng cao đáp ứng với yêu cầu của hệ thống quản lý chất lượng và nhu cầu sản xuất, kinh doanh của Công ty. Lập kế hoạch và tổ chức công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho CBCNV, tổ chức nâng bậc, nâng lương hàng năm;
- Lập kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện giải quyết các chế độ, chính sách của nhà nước và Công ty có liên quan đến người lao động;
- Giữ chức năng thường trực Hội đồng kỷ luật, Hội đồng bảo hộ lao động và giám sát công tác PCCN, bảo vệ môi trường của Công ty;
- Xây dựng và giám sát thực hiện các Nội quy, quy chế của Công ty đảm bảo đáp ứng với thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành;
- Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc bảo vệ tài sản, giữ gìn an ninh trật tự trong toàn Công ty. Thực hiện công tác phòng chống lụt bão, PCCN của Công ty;
- Thực hiện nghiệp vụ hành chính, quản lý đất đai, nhà xưởng, phương tiện vận tải và cung cấp thiết bị văn phòng toàn Công ty;
- Thực hiện công tác quốc phòng, luật nghĩa vụ quân sự, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên;
- Thường trực Công ty trong công tác đền ơn đáp nghĩa và hoạt động từ thiện của Công ty;
- Tổ chức và triển khai thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu cho CBCNV, tổ chức khám sức khỏe định kỳ, giới thiệu lên tuyến trên khám và điều trị cho CBCNV theo chế độ của nhà nước;
- Phụ trách theo dõi công tác thuê và cho kho bãi.

5.2.3. Phòng Kỹ thuật- Chất lượng:

- Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc theo dõi, triển khai kế hoạch sản xuất;
- Thực hiện các công việc liên quan đến công tác xuất nhập khẩu;
- Thực hiện triển khai nhận và giao gia công đối với các đối tác bên ngoài.
- Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc quản lý vật tư, nguyên nhiên liệu, thành phẩm và bán thành phẩm trong toàn Công ty;
- Thường xuyên theo dõi nắm vững pháp luật, chế độ chính sách hiện hành của Nhà nước về xuất nhập khẩu để tiến hành mua vật tư và xuất các sản phẩm đảm bảo đạt hiệu quả kinh tế;
- Xây dựng kế hoạch cân đối nhu cầu vật tư, nguyên, nhiên vật liệu, bảo đảm cung ứng, cấp phát, hạch toán kịp thời đúng tiến độ theo yêu cầu kế hoạch sản xuất kinh doanh;
- Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm và hợp lý hoá sản xuất.
- Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong công tác quản lý kỹ thuật, quản lý máy móc, thiết bị và định hướng phát triển khoa học, kỹ thuật trước mắt cũng như lâu dài của Công ty;
- Tổ chức nghiên cứu thiết kế, chế thử sản phẩm mới theo kế hoạch của Công ty và khách hàng; thực hiện công tác điều độ sản xuất của Công ty;
- Tổ chức triển khai đề tài, dự án, sáng kiến cải tiến kỹ thuật và ứng dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất;
- Quản lý máy móc, thiết bị toàn Công ty và lập kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng theo định kỳ và đột xuất; lập các hướng dẫn công việc và quy trình về sử dụng thiết bị đảm bảo an toàn và hiệu quả;
- Tổ chức giám định các thiết bị có yêu cầu quản lý nghiêm ngặt;
- Triển khai công tác thi tay nghề và nâng bậc của công nhân;
- Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong công tác quản lý chất lượng sản phẩm của toàn Công ty;
- Thường trực công tác ISO toàn Công ty;
- Tổ chức, thực hiện công tác kiểm tra chất lượng vật tư, bán thành phẩm đầu vào, các chi tiết sản phẩm, thành phẩm trong quá trình sản xuất;
- Xác định và thực hiện việc kiểm tra chất lượng sản phẩm tại các phân xưởng;
- Phân tích và tổng hợp kết quả kiểm tra, xử lý các dữ liệu thông tin trong quá trình sản xuất có liên quan đến chất lượng sản phẩm;
- Tham gia tổ chức và trực tiếp tham gia các đợt đánh giá hệ thống quản lý chất lượng do Công ty hoặc các đơn vị ngoài Công ty thực hiện;
- Theo dõi và đề xuất những thay đổi trong hệ thống quản lý chất lượng, trình lãnh đạo xem xét. Tham gia giúp lãnh đạo Công ty về nội dung và chương trình cho buổi họp định kỳ xem xét của lãnh đạo về HTQLCL của Công ty;
- Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm và hợp lý hoá sản xuất.

- Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm và hợp lý hoá sản xuất.

5.2.4. Phòng Kinh doanh:

- Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong lĩnh vực định hướng và phát triển kế hoạch sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, phát triển thị trường, điều độ sản xuất đảm bảo hiệu quả kinh tế; trước mắt cũng như lâu dài;
- Tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc ký kết các hợp đồng kinh tế trong lĩnh vực tiêu thụ sản phẩm, đánh giá, lựa chọn nhà cung ứng nguyên liệu;
- Tổ chức theo dõi thực hiện việc vận chuyển thành phẩm nhằm đảm bảo cung cấp cho khách hàng những sản phẩm đạt yêu cầu chất lượng cao;
- Quản lý, sử dụng hoá đơn tự in của Công ty theo đúng hướng dẫn của cơ quan thuế và quy định của Công ty;
- Tổ chức, theo dõi và thực hiện công tác tiêu thụ sản phẩm. Tìm hiểu thị hiếu, nhu cầu khách hàng để đưa ra các kế hoạch sản xuất, chiến lược thu hút khách hàng và mở rộng mạng lưới tiêu thụ sản phẩm.

5.2.5. Phòng Đầu tư:

- Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong lĩnh vực định hướng và phát triển kế hoạch đầu tư, phát triển sản xuất trước mắt cũng như lâu dài;
- Tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc ký kết các hợp đồng trong lĩnh vực đầu tư mới;
- Tổ chức theo dõi thực hiện việc triển khai các dự án đầu tư của Công ty đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

5.2.6. Nhà máy Dệt Hà Nam:

- Thực hiện sản xuất vải theo kế hoạch của Công ty đảm bảo đủ số lượng, đúng chất lượng và khuyến khích vượt mức kế hoạch đề ra;
- Phối hợp với các đơn vị có liên quan trong Công ty để quản lý sản xuất, quản lý lao động, quản lý máy móc thiết bị ,... tại Công ty;
- Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm và hợp lý hoá sản xuất.

5.2.7. Nhà máy Dệt Hà Nội:

- Thực hiện sản xuất các sản phẩm vải theo kế hoạch của Công ty đảm bảo đủ số lượng, đúng chất lượng và khuyến khích vượt mức kế hoạch đề ra;
- Phối hợp với các đơn vị có liên quan trong Công ty để quản lý sản xuất, quản lý lao động, quản lý máy móc thiết bị ,... tại Công ty;
- Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm và hợp lý hoá sản xuất.

5.2.8. Nhà máy sợi Hà Nam:

- Thực hiện sản xuất các sản phẩm sợi theo kế hoạch của Công ty đảm bảo đủ số lượng, đúng chất lượng và khuyến khích vượt mức kế hoạch đề ra;

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan trong Công ty để quản lý sản xuất, quản lý lao động, quản lý máy móc thiết bị ,... tại Công ty;
- Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm và hợp lý hoá sản xuất.

5.2.9. Bộ phận kinh doanh khác:

- Thực hiện các hoạt động kinh doanh khác ngoài sản phẩm bông, vải, sợi và hàng may mặc và trong ngành nghề của Công ty.
- Phối hợp với các bộ phận, đơn vị, cá nhân có liên quan trong Công ty để quản lý kinh doanh, lao động, máy móc thiết bị ,... tại Công ty;
- Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng và hợp lý hoá hoạt động kinh doanh.

5.3. Kế hoạch tổ chức nhân sự và tiền lương:

5.3.1. Định hướng:

- Sau khi cổ phần hóa, trong năm đầu tiên, Công ty vẫn giữ bộ máy quản lý hiện có để ổn định tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh. Từ năm thứ hai trở đi, Công ty sẽ tiến hành rà soát lại bộ máy nhân sự của Công ty Cổ phần nhằm tổ chức kiện toàn hệ thống quản lý, điều hành và sản xuất kinh doanh cho phù hợp với mô hình mới.
- Phối hợp đồng bộ từ Công ty đến các phòng ban, nhà máy, bộ phận trực thuộc để tinh giản bộ phận hành chính, giảm các chi phí không cần thiết, nâng cao năng suất lao động, tăng khả năng cạnh tranh.
- Xây dựng và hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng ban và các nhà máy sản xuất.
- Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho CB-CNV đồng thời tuyển dụng thêm cán bộ, công nhân có trình độ, có năng lực, nhiệt tình công tác để bổ sung khi cần thiết.
- Nâng cao chất lượng lao động, xây dựng đội ngũ cán bộ, công nhân giỏi chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra như: nghiên cứu định hướng chiến lược; mở rộng thị trường; nâng cao chất lượng và đa dạng sản phẩm; thực hiện các giải pháp đầu tư chiều sâu đổi mới công nghệ phục vụ phát triển trong tương lai,... Thường xuyên rèn luyện và nâng cao tay nghề cho công nhân, xây dựng đội ngũ công nhân lành nghề, thành thạo trong sản xuất và có nhiều cải tiến hợp lý hóa, nâng cao hiệu quả trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty.

5.3.2. Về lao động:

- Tổng số lao động dự kiến cần: 400 người.

5.3.3. Về chính sách tiền lương:

- Tiền lương phải trở thành động lực mạnh mẽ nhất kích thích người lao động thực hiện đúng nội quy và kỷ luật lao động, tăng năng suất, cải tiến kỹ thuật và luôn gắn bó, cống hiến cho Công ty.
- Đảm bảo tiền lương cao hơn so với tiền lương bình quân của xã hội cho người lao động trực tiếp. Bên cạnh đó có mức lương phù hợp cho cán bộ, cho người lao động có nghiệp vụ, tay nghề cao mà Công ty tuyển chọn, cụ thể là: thực hiện quy chế trả lương cao và thưởng hợp lý cho một số lao

động có trình độ và năng lực đặc biệt trong quản lý kỹ thuật và kinh tế, có đóng góp mang tính quyết định đến sự phát triển, đem lại hiệu quả cao trong kinh doanh của Công ty.

- Chú trọng đến điều kiện sinh hoạt và làm việc của cán bộ quản lý, người lao động có kỹ thuật tay nghề cao, tạo điều kiện để họ và gia đình gắn bó lâu dài với Công ty, thu hút lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty.

5.3.4. Về kế hoạch tổ chức nhân sự sau khi cổ phần hóa

Trong trung hạn khoảng 3-5 năm sau khi hoàn thành cổ phần hóa, từ điều kiện thực tế về cơ sở hạ tầng kỹ thuật và nhân lực, với những thế mạnh hiện có, Công ty xác định tập trung vào các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chủ yếu như sau:

- Sản xuất và kinh doanh các mặt hàng truyền thống, chủ yếu của Công ty là các sản phẩm bông, vải, sợi, hàng may mặc và các loại vải có yêu cầu đặc biệt khác;

- Sản xuất và kinh doanh các mặt hàng khác mà luật cho phép (theo ngành nghề kinh doanh đăng ký).

Trên cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sau khi cổ phần hóa khá ổn định, tùy theo tình hình cụ thể, Công ty sẽ mở rộng lĩnh vực sản xuất, kinh doanh theo hướng như sau:

- Sắp xếp lại nhân sự các phòng ban theo hướng gọn nhẹ, giảm biên chế và giữ lại những người lao động tinh thông công việc;

- Cải thiện chế độ trả lương để tạo động lực thúc đẩy các bộ phận tăng năng suất lao động và hiệu quả công việc;

- Có chế độ đãi ngộ hợp lý đối với những lao động có năng lực quản lý và tay nghề cao có những cải tiến trong sản xuất đem lại lợi ích cho Công ty.

6. Phương án sản xuất kinh doanh:

6.1. Định hướng chiến lược sau khi cổ phần hóa

Sau khi cổ phần hóa Công ty sẽ chuyển sang hoạt động theo mô hình mới, mở rộng lĩnh vực hoạt động và đối tượng khách hàng, phát huy hết tiềm năng và thế mạnh của Công ty. Người lao động có cơ hội làm chủ doanh nghiệp, quyền lợi và trách nhiệm của cổ đông và người lao động trong toàn Công ty gắn liền với lợi ích và sự phát triển của doanh nghiệp. Đây thực sự là cơ hội để phát huy nội lực và tính tự chủ của doanh nghiệp trong điều hành sản xuất kinh doanh, phát huy quyền làm chủ của người lao động tham gia vào quá trình điều hành, kiểm soát hoạt động của doanh nghiệp.

Một số mục tiêu cơ bản về định hướng phát triển của Công ty Cổ phần Dệt 19/5 Hà Nội như sau:

- Mục tiêu thị trường: Giữ vững và phát triển thị trường nội địa và quốc tế, mở rộng kênh bán lẻ sản phẩm giúp ổn định quá trình sản xuất;

- Mục tiêu lợi nhuận: Thực hiện cải tiến hệ thống tổ chức, quản lý, đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao lợi nhuận, đảm bảo doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng đều hàng năm;

- Đảm bảo ổn định đời sống, thu nhập cho cán bộ, người lao động của Công ty;
- Đảm bảo thực hiện tốt các nghĩa vụ với Nhà nước.

6.2. *Ngành nghề kinh doanh sau khi cổ phần hóa:*

Trong thời gian khoảng 3-5 năm sau khi cổ phần hóa, từ điều kiện thực tế về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, ngành nghề chính và nhân lực cũng như những thế mạnh hiện có như:

- Tiền thân của Công ty Cổ phần Dệt 19/5 Hà Nội là Công ty TNHH Một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội có bề dày kinh nghiệm hơn 50 năm trong sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bông, vải, sợi, hàng may mặc...;

- Thương hiệu Hatexco đã có uy tín trên thị trường nội địa và xuất khẩu;

- Công ty có đội ngũ cán bộ kỹ thuật, công nhân viên có năng lực chuyên môn, có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Từ đó công ty xác định tập trung vào 02 lĩnh vực chủ yếu như sau:

6.2.1. *Sản xuất và kinh doanh các mặt hàng truyền thống, chủ yếu của Công ty là các sản phẩm bông, vải, sợi, hàng may mặc và các loại vải có yêu cầu đặc biệt khác:*

- Sản lượng sản xuất của công ty duy trì trong khoảng:

+ Vải: 6.000.000 mét/năm.

+ Sợi: 6.000 tấn/năm.

+ Sản phẩm may mặc (quần áo): 500.000 bộ/năm.

- Doanh thu sau 3 năm cổ phần đạt 600 tỷ đồng/năm.

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm chính gồm:

+ Nội địa: 400 tỷ đồng/năm.

+ Nước ngoài: 200 tỷ đồng/năm.

6.2.2. *Sản xuất và kinh doanh các mặt hàng khác mà luật cho phép (theo ngành nghề kinh doanh đăng ký):*

Công ty chủ động mở rộng ngành nghề sản xuất kinh doanh theo hướng phát triển chiều sâu của ngành nghề chính và mở ra các hướng kinh doanh khác mà pháp luật cho phép để đảm bảo sự phát triển đa dạng và lâu dài của công ty.

7. Kế hoạch sử dụng đất của Công ty sau khi cổ phần hóa:

Bảng số 18: Kế hoạch sử dụng đất sau cổ phần hóa

TT	Vị trí	Diện tích (m2)	Hình thức sử dụng	Mục đích sử dụng	Hồ sơ pháp lý
1	Số 89 Lĩnh Nam, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Hà Nội	8.715,7	Thuê đất trả tiền hàng năm	Sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh	Quyết định số 521/QĐ - UB ngày 28/01/1993 của UBND Thành phố Hà Nội và Hợp đồng thuê đất số 02-245.02/ĐC - ND-HĐTD ngày 19/6/2002
2	Thôn Văn, xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Trong đó:				
	<i>Lô thứ nhất</i>	12.756,7	<i>Thuê đất trả tiền hàng năm</i>	<i>Cơ sở sản xuất, kinh doanh</i>	<i>Quyết định số 521/QĐ-UB ngày 28/01/1993 của UBND thành phố Hà Nội và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 666151 do Sở TN&MT Hà Nội cấp ngày 10/12/2012</i>
	<i>Lô thứ hai</i>	1.317	<i>Tạm quản lý, sử dụng</i>	<i>Bàn giao lại cho Thành phố khi nhà nước thực hiện dự án mở đường theo quy hoạch</i>	
3	Khu Công nghiệp Đồng Văn, xã Duy Minh, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	60.759,0	Thuê đất trả tiền hàng năm	Cơ sở sản xuất, kinh doanh	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 579598 do UBND Tỉnh Hà Nam cấp ngày 12/9/2005 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB229056 do Sở TN&MT Tỉnh Hà Nam cấp ngày 20/5/2010

(Nguồn: Phương án sản xuất kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội)

8. Dự kiến các chỉ tiêu chính 3 năm sau Cổ phần hóa từ 2016 đến 2018:

8.1. Kế hoạch đầu tư nhằm cân đối và phát huy tối đa năng lực sản xuất hiện có giai đoạn 2016-2018:

Bảng số 19: Tổng hợp máy móc thiết bị và vốn đầu tư mới sau cổ phần hóa

TT	Năm	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Cộng	
	MMTB đầu tư	Số lượng	Giá trị (tỷ đồng)	Số lượng	Giá trị (tỷ đồng)	Số lượng	Giá trị (tỷ đồng)	Số lượng	Giá trị (tỷ đồng)
1	Dây chuyền sợi	01 Hệ thống	190	0	0	0	0	01 Hệ thống	190
2	Dây chuyền dệt	0	0	01 Hệ thống	100	0	0	01 Hệ thống	100
	Tổng cộng	01 Hệ thống	190	01 Hệ thống	100	0	0	02 Hệ thống	290

(Nguồn: Phương án sản xuất kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội)

- Tổng vốn đầu tư là 290 tỷ đồng, trong đó vốn tự có chiếm 30% còn lại là vốn vay ngân hàng chiếm 70%.

- Vốn vay đầu tư dài hạn trong vòng 06 năm. Phần chi phí lãi vay sẽ do đầu tư bổ sung hợp lý hóa dây chuyền sẽ tăng thêm 30-35% sản lượng sản phẩm khi tiêu thụ sẽ đủ bù đắp chi phí đầu tư. Khi đầu tư mới, công ty sẽ lập dự án đầu tư và tính toán chi tiết sẽ cho kết quả cụ thể mới quyết định đầu tư toàn bộ hay chọn từng loại máy cần nhất để đầu tư.

8.2. Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản sau cổ phần hóa:

Bảng số 20: Một số chỉ tiêu cơ bản sau cổ phần hóa

TT	Năm thực hiện	ĐVT	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018	
	Chỉ tiêu		Giá trị	% /2015	Giá trị	% /2016	Giá trị	% /2017
1	Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản	Tỷ đồng	190	-	100	52,63	0	-
2	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	250	100	300	120	320	107
3	Tổng số lao động	người	400	125	450	111	500	110
4	Tổng quỹ lương	Triệu	2.400	157	2.925	122	3.750	128
5	Thu nhập bình quân	Triệu	6	109	6,5	108	7,5	115

	1 người/tháng	đ/ng/th						
6	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	500	101	550	110	600	109
7	Tổng chi phí hoạt động	Tỷ đồng	491	125	538	119	585	120
8	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	9	128	12	133	15	125
9	Tổng số nộp ngân sách	Tỷ đồng	14	116	16	114	18	112
10	Tỷ lệ cổ tức	%	6	150	8	133	10	125

(Nguồn: Phương án sản xuất kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội)

Lưu ý: Tỷ lệ cổ tức sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định sau mỗi kỳ Đại hội và dựa trên cơ sở thực tế tại thời điểm Đại hội được triệu tập và sẽ quyết định sau.

9. Các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty sau khi cổ phần hóa:

9.1. Phát triển nguồn nhân lực:

Nhân tố con người quyết định sự thành công của doanh nghiệp. Vì vậy, sau khi cổ phần hóa, Công ty phải có chính sách cũng như Quy chế minh bạch, rõ ràng đối với việc tuyển dụng, sử dụng, sắp xếp bố trí nhân sự, lao động một cách khoa học, thực tế và hiệu quả. Cụ thể như sau:

- Tiếp tục duy trì việc phân công, bố trí việc làm phù hợp và thuận lợi đối với sức khỏe, năng lực người lao động trong Công ty.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo và đào tạo lại, tuyển dụng lao động căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty.

- Bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý có đủ năng lực, trình độ chuyên môn để đáp ứng được yêu cầu của Công ty cổ phần.

- Sắp xếp, tinh giản lại nhân sự các phòng ban, phân xưởng theo hướng gọn nhẹ, giảm biên chế và giữ lại người lao động tinh thông nghề nghiệp.

- Cải thiện chế độ trả lương để tạo động lực thúc đẩy người lao động tăng năng suất lao động và hiệu quả công việc.

- Có chế độ đãi ngộ hợp lý đối với những lao động có năng lực quản lý và tay nghề cao có nhiều cải tiến trong sản xuất mang lại lợi ích cho Công ty.

- Tạo mọi điều kiện để người lao động trong Công ty đều được mua cổ phần của Công ty.

- Đảm bảo tốt điều kiện và môi trường làm việc, an toàn lao động cho CB- CNV trong Công ty.

9.2. Nâng cao năng lực quản lý:

- Sau khi cổ phần hóa, Ban lãnh đạo Công ty sẽ tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ về mọi mặt để đảm bảo rằng mọi kế hoạch đã được đưa ra và thông qua phải được thực hiện một cách nghiêm túc, có chất lượng. Điều này nhằm nâng cao tính kỷ luật trong quản lý, nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của người quản lý và tính hiệu quả khi giải quyết công việc.

- Công tác tổ chức nhân sự, khen thưởng, kỷ luật,...phải được thực hiện một cách chặt chẽ, công khai, minh bạch để phát huy tính chủ động, sáng tạo của người lao động, đồng thời duy trì tính kỷ luật, tính tự giác của người lao động, chống thất thoát tài sản, vật tư, hư hỏng máy móc, thiết bị và công cụ lao động nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và kinh doanh.

- Người đứng đầu các đơn vị phòng ban, phân xưởng là người chịu trách nhiệm toàn bộ về việc hoàn thành nhiệm vụ của phòng ban, nhà máy trước Ban Giám đốc.

9.3. Công tác quản trị và điều hành:

Tổ chức quản lý, kiểm soát mọi hoạt động của Công ty tập trung về bộ máy điều hành gọn nhẹ hiệu quả thông qua việc xây dựng mô hình quản lý, điều hành điện tử (sử dụng mạng nội bộ và các phần mềm quản lý).

Ứng dụng các tiến bộ của công nghệ thông tin, đưa vào sử dụng các phần mềm quản lý như: nhân sự, tiền lương, quản lý dự án, quản lý khách hàng, quản lý tồn kho vật tư thiết bị, kế toán....

Kiên toàn và sắp xếp nhân sự toàn công ty hoạt động theo cơ chế cổ phần hoá. Xây dựng kế hoạch phát triển nhân sự cho kế hoạch mỗi năm.

Hạn chế tối đa lực lượng lao động gián tiếp, sắp xếp lại và chuyển lực lượng gián tiếp dư thừa sang lực lượng trực tiếp tham gia sản xuất kinh doanh. Không chế tỷ lệ lao động gián tiếp/ trực tiếp hằng năm ở mức 10%.

Xây dựng các chức danh phù hợp với phạm vi công việc rõ ràng cho mọi thành phần nhân lực trong Công ty. Các chức danh có chính sách đào tạo được chi tiết theo các vị trí đã quy hoạch và theo nhu cầu mở rộng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh hằng năm của Công ty.

Quan tâm thu hút nguồn nhân lực ngoài Công ty có năng lực, kinh nghiệm và phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty. Áp dụng các chính sách ưu đãi đặc biệt cho từng trường hợp cụ thể.

9.4. Giải pháp phát triển thị trường, phát triển thương hiệu:

Đẩy mạnh hoạt động Marketing, phát triển thương hiệu thông qua các sự kiện thương mại ngành, đặc biệt chú trọng phát triển đa dạng mẫu mã đi đôi với chất lượng ổn định.

Củng cố, tăng cường và mở rộng quan hệ với các đơn vị trong ngành. Xây dựng hệ thống xếp loại khách hàng để có chính sách khách hàng hợp lý cho từng đối tượng khách hàng. Tích cực đàm phán, xử lý các vấn đề liên quan và theo dõi sát sao tiến độ triển khai của các dự án trong ngành để thực hiện việc cung cấp các sản phẩm, nguyên liệu.

Đẩy mạnh phát triển hệ thống bán lẻ, bán hàng qua siêu thị, bán hàng online ... nhằm quảng bá thương hiệu và ổn định sản xuất.

Xây dựng đội ngũ cán bộ kỹ thuật giỏi chuyên nghiên cứu các sản phẩm mới đáp ứng tiến bộ khoa học kỹ thuật để cung cấp cho thị trường. Luôn áp dụng các tiến bộ khoa học mới nhất của ngành nhằm nâng cao chất lượng, giảm chi phí trong sản xuất.

9.5. Giải pháp về văn hoá và chính sách nhân viên:

Xây dựng và thực hiện thành công văn hoá Hatexco trên tinh thần thân thiện, chia sẻ và nhân văn.

Đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV thông qua chính sách lương, thưởng công bằng, công khai, minh bạch, gắn với hiệu quả và chất lượng làm việc nhằm tạo động lực để CBCNV phát huy sáng tạo trong công việc.

Thường xuyên tổ chức các phong trào văn nghệ, thể thao, giao lưu đáp ứng nhu cầu tinh thần của CBNV trong Công ty.

9.6. Nâng cao năng lực tài chính:

Công ty thực hiện các biện pháp huy động vốn để tập trung cho các dự án, các chương trình đầu tư cho sản xuất kinh doanh đảm bảo an toàn, hiệu quả.

Công tác tài chính, kế toán và kế hoạch sản xuất kinh doanh phải được tiến hành đồng bộ, chặt chẽ và bám sát thực tế.

PHẦN V: VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ

1. Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ : **267.400.000.000 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm sáu bảy tỷ bốn trăm triệu đồng chẵn)
- Số cổ phần : **26.740.000 cổ phần** (Bằng chữ: Hai mươi sáu triệu bảy trăm bốn mươi nghìn cổ phần)
- Mệnh giá : **10.000 đồng/cổ phần** (Bằng chữ: Mười nghìn đồng chẵn)

Tất cả cổ phần của Công ty tại thời điểm thành lập là Cổ phần phổ thông. Các hoạt động mua bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty cổ phần và Pháp luật có liên quan.

2. Cơ cấu vốn điều lệ

Bảng số 21: Cơ cấu Vốn điều lệ dự kiến

TT	Cơ cấu cổ đông	Giá trị vốn góp (đồng)	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cổ phần Nhà nước nắm giữ	80.220.000.000	8.022.000	30
2	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động Trong đó:	7.881.000.000	788.100	2,95
	Cổ phần bán với giá ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp theo năm làm việc trong khu vực nhà nước	2.439.000.000	243.900	0,91
	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần	5.442.000.000	544.200	2,04
3	Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược	89.404.500.000	8.940.450	33,43
4	Cổ phần bán đấu giá công khai	89.894.500.000	8.989.450	33,62
	Tổng cộng	267.400.000.000	26.740.000	100

(Nguồn: Phương án sản xuất kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội)

PHẦN VI: NHỮNG YẾU TỐ RỦI RO

I. PHÂN TÍCH RỦI RO DỰ KIẾN

Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội nói riêng. Hiện nay, Hatexco đang hoạt động trong lĩnh vực có mức độ cạnh tranh cao, và những yếu tố môi trường và nội tại sẽ có ảnh hưởng lên giá trị khoản đầu tư của Hatexco. Nhà đầu tư cần cân trọng và cân nhắc các yếu tố rủi ro này, và trong trường hợp các rủi ro dưới đây diễn ra, hoạt động sản xuất kinh doanh của Hatexco sẽ bị ảnh hưởng dẫn tới sự sụt giảm một phần hoặc toàn bộ giá trị đầu tư.

1. Rủi ro về tốc độ tăng trưởng kinh tế

Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) từ năm 2007, do đó những biến động của kinh tế toàn cầu sẽ có ảnh hưởng đến nền kinh tế Việt Nam.

Nền kinh tế tăng trưởng hay suy giảm đều có những ảnh hưởng nhất định đến sự phát triển và hoạt động của ngành Dệt may. Kinh tế phát triển, đời sống người dân được nâng cao dẫn đến sự gia tăng nhu cầu mua bán hàng hóa tiêu dùng may mặc, nhu cầu về xây dựng cơ sở vật chất dẫn đến việc gia tăng nhu cầu về việc sản xuất nguyên liệu đầu vào như sản phẩm bông, vải, sợi, hàng dệt, may mặc... đó đều là những mặt hàng mà Công ty đang kinh doanh. Ngược lại, khi nền kinh tế suy thoái sẽ dẫn tới việc giảm sút nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm hàng hóa may mặc, thời trang.... từ đó ảnh hưởng trực tiếp tới tình hình hoạt động và doanh thu hàng hoá dịch vụ của Công ty. Năm 2014, đánh dấu sự phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế trong nước và thế giới. Theo tổng cục Thống kê, năm 2014 tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 5,9%, đưa Việt Nam trở thành nước có tốc độ tăng trưởng GDP cao thứ 2 trên thế giới (sau Trung Quốc). Mức tăng trưởng năm 2014 cao hơn mức tăng 5,25% của năm 2012 và mức tăng 5,42% của năm 2013.

Bước sang năm 2015, khi Nhà nước đang mạnh tay cải cách và tái cấu trúc lại toàn bộ nền kinh tế, các Tổng công ty, tập đoàn của Nhà nước tiếp tục thắt chặt chi tiêu, đầu tư công trong năm 2015 thì nền kinh tế nói chung và dệt may nói riêng vẫn chịu những tác động không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của ngành cũng như ảnh hưởng lớn đến kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2015 cho thấy nền kinh tế nước ta phục hồi khá rõ nét và đạt tốc độ tăng trưởng cao so với kế hoạch đề ra, và cao hơn so với dự báo trước đây. Tốc độ tăng GDP 9 tháng đầu năm đạt 6,5%, là mức tăng cao nhất so với cùng kỳ 4 năm trước. Với đà tăng trưởng này, cả năm tốc độ tăng trưởng kinh tế sẽ đạt trên 6,5%. Động lực tăng trưởng kinh tế chủ yếu do sự phục hồi và tăng trưởng cao của sản xuất công nghiệp; sự tăng nhanh của sản xuất và xuất khẩu của khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đặc biệt khi một loạt các hiệp định song phương và đa phương như FTA, TPP được ký kết trong thời gian qua sẽ mở ra những cơ hội lớn cho tất cả các doanh nghiệp trong nước được mở rộng thị trường sang các nước lớn. Đi cùng với đó cũng là một thách thức lớn khi các doanh nghiệp trong nước phải đối mặt với nhiều sản phẩm nước ngoài vào thị trường Việt Nam với giá thành rẻ và chất lượng tốt

hơn. Nếu nắm bắt được tình hình, Công ty cổ phần Dệt 19/5 Hà Nội sẽ có nhiều cơ hội mở rộng thị trường không những trong nước mà cả thị trường các nước lớn trong khu vực.

2. Rủi ro lạm phát

Nền kinh tế của Việt Nam luôn phải đối mặt với tình trạng khó khăn phải lựa chọn giữa mục tiêu lạm phát và tăng trưởng kinh tế. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2014 giảm 0,24% so với tháng trước và chỉ tăng 1,84% so với tháng 12/2013. Như vậy, CPI năm 2014 bình quân mỗi tháng chỉ tăng 0,15%, tăng thấp nhất trong 10 năm gần đây. Theo đó, CPI bình quân năm 2014 tăng 4,09% so với năm 2013. Năm 2014, lạm phát giảm còn 3%. Đây là con số khá thấp so với dự đoán là 7% trước đây.

Trong 6 tháng đầu năm 2015, lạm phát CPI tháng 6/2015 là 1% và lạm phát cơ bản là 2,37%. Nhìn chung, cả lạm phát và lạm phát cơ bản hầu như giữ nguyên trong 4 tháng gần đây. Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia dự báo năm 2015 lạm phát cơ bản khoảng 3% và lạm phát (tổng thể) thấp hơn 3%. Lạm phát thấp tạo sự an tâm cho các nhà đầu tư, sản xuất kinh doanh; tạo điều kiện cho các nhà hoạch định chính sách và quản lý, điều hành vĩ mô yên tâm hơn trong việc đề ra và thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, hỗ trợ thị trường. Song, các chuyên gia kinh tế đã bày tỏ những lo lắng về việc sức mua quá yếu sẽ tạo ra những ảnh hưởng tiêu cực tới nền kinh tế và hoạt động của các doanh nghiệp.

3. Rủi ro lãi suất

Trong năm 2014, lãi suất huy động và cho vay có xu hướng giảm nhẹ. Lãi suất huy động không kỳ hạn giảm xuống còn 1,2%/năm, lãi suất huy động có kỳ hạn giảm còn 6-7%/năm. Ngân hàng Nhà nước đã tiếp tục giảm các mức lãi suất chủ chốt. Với định hướng duy trì mặt bằng lãi suất thấp để hỗ trợ sự phục hồi và tăng trưởng của nền kinh tế, quyết định điều chỉnh giảm lãi suất của Ngân hàng Nhà nước là khá hợp lý trong bối cảnh lạm phát được kiểm soát tốt ở mức thấp và thanh khoản hệ thống đang khá tốt trong khi tăng trưởng tín dụng chưa được đầy mạnh.

Trong năm 2014, chính sách tiền tệ đã được hoạch định theo phương châm “lãi suất theo sau lạm phát, chứ không đi trước lạm phát” như trong các năm 2012-2013. Điều này được thể hiện qua việc NHNN điều hành lãi suất dựa trên mức lạm phát trung bình nhiều hơn là mức lạm phát cùng kỳ. Bởi vậy, khi lạm phát giảm nhanh ngoài dự đoán, lãi suất cho vay và huy động đã không giảm theo một cách kịp thời. Ngoài ra, việc dự báo và đặt mục tiêu lạm phát ở mức cao cũng góp phần dẫn đến lãi suất huy động và cho vay bị neo ở mức cao và giảm chậm hơn so với những diễn biến của lạm phát trên thực tế.

Trong nửa đầu năm 2015, lãi suất cho vay doanh nghiệp ở mức 8-11%/năm, bình quân 9,59%/năm tại thời điểm cuối tháng 2-2015, thấp hơn bình quân 9,88%/năm trong tháng 1-2015 và thấp hơn bình quân 10,04%/năm trong tháng 12-2014. Nửa cuối năm 2015, xu hướng ổn định lãi suất hiện hành sẽ là chủ đạo; đồng thời, lãi suất tiền gửi cũng như cho vay, cả bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ cần được điều chỉnh theo diễn biến lạm phát; thu hẹp bớt khoảng cách chênh lệch giữa lãi suất huy động và lãi suất cho vay, giữa lãi suất nội tệ và ngoại tệ, phấn đấu giảm lãi suất cho vay xuống đến mức thấp nhất có thể và phụ thuộc nhiều vào diễn biến của lạm phát và kết quả cơ cấu lại hệ thống ngân hàng nói riêng, cơ cấu lại thị trường tài chính và bất động sản nói chung.

Trước việc Cục Dự Trữ Liên bang Mỹ (FED) tăng lãi suất trong năm nay cùng với việc biến

động lớn tỷ giá giữa đồng tiền các nước so với đồng Việt Nam thì một số ngân hàng trong nước đã điều chỉnh tăng lãi suất huy động. Ngoài ra do thị trường bất động sản phục hồi cuối năm nên cần huy động đầu vào để bảo đảm tốt thanh khoản dẫn đến áp lực về việc tăng lãi suất tiền vay của ngân hàng trong thời gian tới là rất cao. Hiện tỉ lệ lãi cận biên của các NH tương đối thấp, chỉ từ khoảng 2,5%-2,7%, lại thêm áp lực xử lý nợ xấu nên khó giảm thêm lãi suất cho vay. Bởi khi đó, NH sẽ khó bảo đảm mục tiêu lợi nhuận đề ra và không đủ bù đắp rủi ro trong hoạt động tín dụng.

Để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty có sử dụng nguồn vốn vay rất lớn từ phía các ngân hàng. Vì vậy, bất kỳ sự thay đổi nào của Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại về chính sách tiền tệ, lãi suất cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc lãi suất cho vay của Ngân hàng có xu hướng gia tăng trong thời gian tới ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch kinh doanh cũng như tác động mạnh đến doanh thu và chi phí hoạt động tài chính. Công ty đang có khoản Nợ vay hơn 805 tỷ đồng, vì vậy, sự biến động theo chiều hướng gia tăng của lãi vay dù nhỏ nhất cũng khiến doanh nghiệp gia tăng một khoản chi phí lãi vay hàng năm rất lớn, áp lực trả nợ cao.

II. RỦI RO PHÁP LÝ

Hệ thống luật pháp Việt Nam hiện nay vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện, việc vận dụng pháp luật vào thực tế hoạt động kinh doanh còn khó khăn, không kịp thời và thiếu nhất quán; thêm vào đó vẫn còn tồn tại nhiều quy định phức tạp, chồng chéo nhau trong vấn đề đất đai nói riêng và hệ thống văn bản pháp quy nói chung. Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau như luật Doanh nghiệp, Luật Đất đai, Luật Thương mại... Theo dự kiến, các sắc luật này vẫn cần có sự sửa đổi cho phù hợp hơn, chặt chẽ hơn trong thời gian tới, do đó cũng phần nào tác động hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, có thể thấy được mặt tích cực từ những thay đổi này đó là tạo ra hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học, phù hợp với hệ thống pháp luật và thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài cũng như giúp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước tiến hành thuận lợi hơn.

Là doanh nghiệp Nhà nước đang chuyển đổi sang hoạt động theo loại hình Công ty cổ phần, hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến cổ phần hóa, Luật doanh nghiệp, luật thuế, quy định về Công ty cổ phần...

Sau khi chuyển đổi, Công ty sẽ hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần do vậy sẽ chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn. Tuy nhiên, do hệ thống luật pháp đang trong giai đoạn hoàn thiện nên tính ổn định cũng chưa cao nên sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra, điều đó có khả năng ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của doanh nghiệp.

Rủi ro pháp lý liên quan đến các thay đổi, bổ sung các chính sách, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý đất đai, bảo vệ môi trường, hay luật thuế. Những thay đổi trong chính sách quản lý, điều hành từ các cơ quan chủ quản sẽ tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Khi chuyển sang công ty cổ phần, Công ty sẽ tiếp tục quản lý và sử dụng 3 địa điểm đất đai đều là đất thuê trả tiền hàng năm, do vậy đây cũng là gánh nặng của Công ty nếu chính sách cho thuê nhà, thuê đất thay đổi theo chiều hướng tăng giá thuê, trong thời gian tới hoạt động kinh doanh của

Công ty sẽ chịu rủi ro cao khi cơ chế, chính sách, Luật đất đai của nhà nước thay đổi sẽ làm gia tăng chi phí thuê đất và làm lợi nhuận của Công ty giảm theo.

III. RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH DỆT MAY

1. *Rủi ro về rào cản thương mại tại thị trường nước ngoài*

Rào cản thương mại thường được thiết lập với mục đích hạn chế sự cạnh tranh và tăng trưởng của hàng hóa nhập khẩu so với các sản phẩm của nước sở tại. Hiện nay, ngành dệt may Việt Nam có sản lượng xuất khẩu ra nước ngoài lớn, vì vậy rào cản thương mại là vấn đề rất quan trọng cần được quan tâm nhiều. Theo hiệp định dệt may ATC có hiệu lực từ năm 1995, Mỹ và một số nước lớn cũng dỡ bỏ các rào cản về thuế và hạn ngạch đối với hàng dệt may từ các nước là thành viên của WTO. Tuy nhiên để hạn chế nhập khẩu từ các nước đang phát triển, các nước có lượng xuất khẩu dệt may vào thị trường nước ngoài đáng kể trong những năm gần đây, Mỹ và các nước phát triển lại đề ra những quy định gây khó khăn rất nhiều cho ngành dệt may của các nước đang phát triển, các nước có điều kiện sản xuất thấp hơn nhiều so với Mỹ. Việc vi phạm bất kỳ quy định nào tại thị trường nước ngoài sẽ không chỉ ảnh hưởng tới doanh thu của công ty qua các mức phạt tài chính mà còn làm suy giảm hình ảnh thương hiệu cũng như hàng hóa xuất xứ của Việt Nam tại nước ngoài.

2. *Rủi ro từ các chính sách và quy định pháp lý trong nước đối với ngành Dệt may*

Hiện tại, các doanh nghiệp trong ngành đang được hưởng nhiều ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007, Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 và Thông tư 130/2008/TT-BTC. Mức thuế suất một số mặt hàng nguyên liệu phục vụ cho ngành dệt may như sợi Filament tổng hợp, sợi polystyren loại dẫn, sợi nylon chuyên dụng... cũng đang nằm trong chính sách ưu đãi. Không có gì đảm bảo chính sách trên sẽ được tiếp tục áp dụng trong tương lai. Trong trường hợp các chính sách trên bị thay đổi hoặc ngưng tiếp tục sẽ có thể gây ra những ảnh hưởng bất lợi đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty và các công ty liên kết trong ngành.

Các công ty trong ngành đồng thời cũng chịu sự kiểm soát chặt chẽ của các nước quy định về bảo vệ môi trường, dưới hình thức thuế bảo vệ môi trường, các quy chuẩn về nước thải công nghiệp nói chung và quy chuẩn về nước thải dệt may nói riêng; luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/06/2014 và Nghị định số 179/2013/NĐ-CP về Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Theo quyết định số 3218/QĐ-BCT ngày 11/04/2014 về “ Phê duyệt quy hoạch phát triển ngành công nghiệp Dệt may Việt nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”, việc phát triển ngành Dệt may Việt Nam phải đi kèm với việc lựa chọn công nghệ phù hợp theo hướng nâng cao chất lượng sản phẩm và ít gây ô nhiễm môi trường. Do đó có khả năng các quy định nêu trên sẽ diễn biến theo chiều hướng ngày càng khắt khe, đặt ra yêu cầu về tuân thủ với Dệt 19/5 Hà Nội và các công ty thành viên.

IV. RỦI RO CỦA ĐỢT CHÀO BÁN

Thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2014 đã ghi nhận một đợt tăng điểm tương đối mạnh. Nguyên nhân chính bắt nguồn từ việc nền kinh tế vĩ mô đã ổn định và dần dần được cải thiện với mặt bằng lãi suất liên tục được điều chỉnh theo hướng giảm, lạm phát thường xuyên duy

tri ở mức thấp,... là những yếu tố đã nâng đỡ tâm lý của nhà đầu tư quay trở lại thị trường chứng khoán. Trong 6 tháng đầu năm 2015, thị trường chứng khoán trải qua chặng đường đầy biến động. Giao dịch cổ phiếu có phần sôi nổi hơn so với cùng kỳ năm 2014, đặc biệt việc điều chỉnh nới room cho khối ngoại đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động giao dịch của thị trường. Tuy nhiên, xu hướng tăng trưởng ổn định của thị trường chưa được khẳng định chắc chắn khi hoạt động của các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp niêm yết nói riêng vẫn còn gặp nhiều khó khăn, lạm phát quá thấp trong nhiều thời điểm đã khiến nhà đầu tư quan ngại về khả năng giảm phát và sự phục hồi chậm chạp của nền kinh tế.

Đợt phát hành ra công chứng lần đầu của Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội nhằm mục đích bán một phần vốn Nhà nước, trở thành Công ty cổ phần, hoạt động sao cho có hiệu quả hơn.

Tuy nhiên, trong thời điểm hiện tại và trong thời gian sắp tới, thị trường chứng khoán có nhiều dấu hiệu chưa ổn định, các nhà đầu tư đang hết sức thận trọng với xu hướng thị trường vốn, do vậy việc chào bán cổ phần lần đầu ra công chứng của Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội có thể đối diện với rủi ro không bán hết số cổ phần chào bán. Trong trường hợp đó, tổ chức chào bán sẽ quyết định phương án phân phối số cổ phần chưa bán hết theo các quy định hiện hành.

V. RỦI RO KHÁC

Bên cạnh những yếu tố rủi ro đã nêu trên, còn có các yếu tố rủi ro xảy ra do hiện tượng thiên nhiên khách quan, mang tính bất khả kháng như thiên tai (bão, lụt, hạn hán, dịch bệnh, động đất...), chiến tranh hoặc hỏa hoạn... Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây ra không ít khó khăn và ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội.

PHẦN VII: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

I. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THỜI HẠN THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN

1. Đối tượng mua cổ phần: Đối tượng mua cổ phần bao gồm người lao động hiện có tại doanh nghiệp, các nhà đầu tư trong và ngoài nước thông qua đấu giá (Theo điều 6 và điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP), nhà đầu tư chiến lược.

2. Đối với cổ phần ưu đãi cho người lao động theo năm làm việc trong khu vực nhà nước tại doanh nghiệp: Giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần.

- Số lượng cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo năm công tác: 243.900 cổ phần
- Tổng giá trị cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo năm công tác: 2.439.000.000 đồng (chiếm tỷ lệ 0,91% vốn điều lệ)

Thời gian thực hiện: theo thông báo của Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội

3. Đối với cổ phần bán cho người lao động theo cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần: Giá bán là giá đấu thành công thấp nhất trong đợt đấu giá công khai.

- Số lượng cổ phần bán cho người lao động được mua ưu đãi thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp tại công ty cổ phần khi cổ phần hóa: **544.200 cổ phần**
- Tổng giá trị cổ phần: **5.442.000.000 đồng (chiếm tỷ lệ 2,04% vốn điều lệ)**

Thời gian thực hiện: Theo thông báo của Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội sau khi có kết quả bán đấu giá cổ phần lần đầu.

4. Bán trước cổ phần cho người lao động

Căn cứ khoản 10 Điều 1 Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần:

+ Trong trường hợp doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa đã tiến hành các thủ tục cần thiết theo phương án cổ phần hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng chưa thực hiện được IPO trong thời gian 90 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa thì doanh nghiệp được bán trước cổ phần cho người lao động, tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp với giá bán cổ phiếu bằng 60% giá khởi điểm trong phương án cổ phần hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Chênh lệch giữa giá bán cho người lao động, cho tổ chức công đoàn (nếu có) so với mệnh giá cổ phần được trừ vào giá trị phần vốn nhà nước khi quyết toán tại thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

5. Cổ phần bán đấu giá công khai:

- Số lượng cổ phần chào bán: **8.989.450 cổ phần**

- Tổng giá trị cổ phần chào bán: **89.894.500.000 đồng (chiếm tỷ lệ 33,62% vốn điều lệ)**
- Giá khởi điểm chào bán cổ phần lần đầu: **10.100 đồng/1 cổ phần**

Phương thức bán và thời gian thanh toán tiền mua cổ phần được quy định chi tiết tại “Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội” do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành.

6. Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược: Thực hiện hình thức bán cho nhà đầu tư chiến lược sau khi thực hiện đấu giá công khai. Giá bán do Ban chỉ đạo cổ phần hóa thỏa thuận nhưng không thấp hơn giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai. Theo Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2015 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa theo đó nhà đầu tư chiến lược là :

- Tổng số cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược: **8.940.450 cổ phần**, với tổng giá trị theo mệnh giá là **89.404.500.000 đồng chiếm 33,43% vốn điều lệ**
- Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất bao bì Đoàn Kết: **2.682.135 cổ phần, chiếm 10,03% vốn điều lệ**
 - + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100893452 do Phòng ĐKKD- Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 29/3/1999 và cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 16/7/2015.
 - + Địa chỉ trụ sở chính: Cụm Công nghiệp An Khánh, Km 8 đường Láng- Hòa Lạc, Xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội.
 - + Điện thoại: 33654519 Fax: 33654519
 - + Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất bột giấy, giấy và bìa; Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa; In ấn; Sản xuất sợi; Sản xuất vải dệt thoi; Hoàn thiện sản phẩm dệt;...
- Công ty cổ phần ACI Việt Nam: **6.258.315 cổ phần, chiếm 23,40% vốn điều lệ**
 - + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101983211 do Phòng ĐKKD- Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 26/6/2006 và cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 26/6/2015.
 - + Địa chỉ trụ sở chính: Số 142 D, phố Cự Lộc, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
 - + Điện thoại: 0466644848 Fax: 0466644747
 - + Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Hoạt động kiến trúc và Tư vấn kỹ thuật có liên quan; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;...

Thời gian thực hiện: Nhà đầu tư chiến lược phải đặt cọc ngay 10% giá trị cổ phần được mua tính theo giá khởi điểm. Thời gian đặt cọc trùng với thời gian đăng ký và nộp tiền mua cổ phần của Nhà đầu tư khi tổ chức bán đấu giá công khai. Trường hợp từ bỏ quyền mua, nhà đầu tư không được nhận lại tiền đặt cọc. Nộp tiền mua cổ phần theo thông báo của Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội sau khi tổ chức đấu giá thành công cuộc đấu giá bán cổ phần công

khai và sau khi các bên thống nhất về giá mua thỏa thuận. Giá bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược là giá bán do Ban chỉ đạo cổ phần hóa thỏa thuận với nhà đầu tư, nhưng không thấp hơn giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.

Nhà đầu tư chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 05 năm, kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

II. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA

1. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ việc bán cổ phần

Tiền thu từ cổ phần hóa để lại Công ty cổ phần phần giá trị tương ứng với số cổ phần phát hành thêm tính theo mệnh giá. Phần thặng dư (chênh lệch giữa tiền thu từ cổ phần hóa và tổng mệnh giá cổ phần Nhà nước bán bớt (+) cổ phần phát hành thêm) được sử dụng để thanh toán chi phí cổ phần hóa và giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư. Phần còn lại (nếu có) được xử lý như sau:

- Nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp thành phố Hà Nội phần giá trị cổ phần Nhà nước bán bớt theo mệnh giá;

- Phần còn lại để lại cho Công ty cổ phần theo tỷ lệ tương ứng với cổ phần phát hành thêm trong cơ cấu vốn điều lệ. Số tiền còn lại (nếu có) tiếp tục chuyển về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp thành phố Hà Nội.

2. Dự kiến chi phí cổ phần hóa

- Công ty dự kiến tổng chi phí cổ phần hóa sẽ là: **500.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng chẵn)**

- Chi phí cổ phần hóa sẽ được quyết toán trên cơ sở các chi phí thực tế sau khi kết thúc quá trình cổ phần hóa

III. LỘ TRÌNH NIÊM YẾT, ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH SAU CỔ PHẦN HOÁ

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 14, Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 15/09/2014 quy định một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước, Công ty có nghĩa vụ;

- a) Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hoá phải hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng, đăng ký cổ phiếu để lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCOM theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- b) Trường hợp doanh nghiệp cổ phần hoá đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán, sau khi thực hiện các thủ tục để đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường chứng khoán theo quy định tại Điểm a nêu trên, trong thời hạn tối đa một (01) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hoá phải bổ sung hồ sơ để hoàn tất thủ tục niêm yết tại các sở giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Sau khi chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần, Công ty cam kết sẽ thực hiện theo đúng quy định tại điều 14 Quyết định 51/2014/QĐ-TTg ngày 05/09/2014 về việc đăng ký giao dịch và niêm yết trên thị trường chứng khoán.

IV. NHỮNG CÁ NHÂN, TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội

Trưởng ban: Ông Phạm Công Bình – Phó giám đốc Sở tài chính Hà Nội, Phó trưởng ban Thường trực Ban đổi mới và Phát triển doanh nghiệp TP Hà Nội; Trưởng ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội

Chúng tôi cam kết rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là trung thực và phù hợp với thực tế doanh nghiệp tại Phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt.

2. Đại diện Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội

- **Bà Đỗ Văn Minh** : Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty
- **Bà Trịnh Thị Hoa** : Kế toán trưởng Công ty

Chúng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Công bố thông tin này là hoàn toàn trung thực, phù hợp với thực tế, đầy đủ theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng của Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội.

3. Đại diện Tổ chức Tư vấn

- **Ông Nguyễn Viết Thắng** : Phó Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall

Theo giấy Ủy quyền số 08/2015/WSS-UQ ngày 26/11/2013 của Tổng giám đốc công ty cổ phần chứng khoán Phố Wall

Chúng tôi đảm bảo rằng việc xây dựng và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội cung cấp.

Các thông tin trên cung cấp cho nhà đầu tư với mục tiêu giúp nhà đầu tư nhìn nhận doanh nghiệp dự định đầu tư một cách khách quan, sáng suốt.

Chúng tôi kính mong các nhà đầu tư tham khảo kỹ Bản công bố thông tin này trước khi đưa ra quyết định đầu giá mua cổ phần lần đầu khi thực hiện Cổ phần hóa của Công ty TNHH một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội.

PHẦN VIII: THAY LỜI KẾT

Bản công bố thông tin được cung cấp nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá chung về tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trước khi đăng ký mua cổ phần. Tuy nhiên, do đợt chào bán này không phải là đợt phát hành/chào bán cổ phiếu của doanh nghiệp để huy động vốn trên thị trường sơ cấp nên Bản công bố thông tin này được chúng tôi xây dựng với khả năng và nỗ lực cao nhất từ các nguồn đáng tin cậy như đã trình bày và mong muốn công bố/thông báo tới Nhà đầu tư về tình hình doanh nghiệp và các thông tin liên quan đến doanh nghiệp.

Bản công bố thông tin này chỉ mang tính chất tham khảo, không bảo đảm rằng đã chứa đựng đầy đủ và chính xác các thông tin về doanh nghiệp và chúng tôi cũng không thực hiện phân tích, đưa ra bất kỳ ý kiến đánh giá nào với hàm ý đảm bảo giá trị của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi đầu tư phải tự đưa ra ý kiến và tự chịu trách nhiệm về các quyết định của mình. Do đó, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư trước khi tham gia đầu tư cần tìm hiểu thêm thông tin về doanh nghiệp cũng như việc tham gia phải bảo đảm rằng việc đăng ký mua hay thực hiện giao dịch được/sẽ được thanh toán bằng nguồn tiền hợp pháp, đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Công ty cổ phần Chứng khoán phố Wall sẽ được miễn trừ trách nhiệm trong trường hợp thông tin do Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội cung cấp không trung thực và không đầy đủ chính xác về mặt số liệu của Bản công bố thông tin này.

Chúng tôi khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin này và các nguồn thông tin có liên quan khác trước khi quyết định tham gia đầu tư.

Trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, ngày ... tháng 01 năm 2016

ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HOÁ

TRƯỞNG BAN



PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Công Bình

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỆT 19/5 HÀ NỘI

CHỦ TỊCH CÔNG TY



Đỗ Văn Minh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Huê

Trịnh Thị Hoa

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

P. TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Viết Thắng